



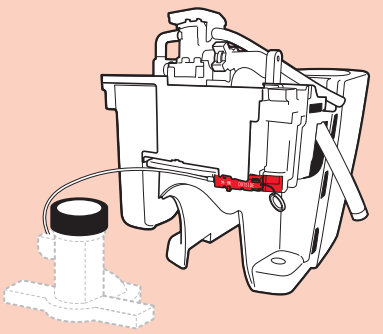
**NEOREST (Toilet bowl)**  
**NEOREST (раздел об унитазах)**  
**NEOREST (Bồn cầu)**  
**NEOREST (โถสุขภัณฑ์)**

Required .....	P.2
Обязательно .....	P.4
Bắt buộc .....	P.6
สิ่งที่ต้องทำ .....	P.8
Safety Cautions/Precaution before installation .....	P.2
Соблюдать меры безопасности при выполнении работ/Внимание перед установкой .....	P.4
Chú ý an toàn/Lưu ý trước khi lắp đặt .....	P.6
ข้อควรระวังด้านความปลอดภัย/ข้อควรระวังก่อนการติดตั้ง .....	P.8
Included parts/Комплекующие части/ .....	P.10
Các bộ phận đi kèm/ชิ้นส่วนที่มีมาให้ .....	P.10
Part diagram/Схема узлов и деталей/ .....	P.10
Sơ đồ bộ phận/แผนภาพชิ้นส่วน .....	P.10
Installation procedure/Способ установки/ .....	P.11
Quy trình lắp đặt/ขั้นตอนการติดตั้ง .....	P.11

# Bắt buộc

Lắp đặt sản phẩm đúng theo sách hướng dẫn này để đạt hiệu quả tốt nhất. Khi hoàn thành công tác lắp đặt, giải thích chi tiết cách sử dụng sản phẩm này cho khách hàng.

## Lắp cần gạt tay vào chân ống xả trước khi lắp bồn cầu.



Xem 19 trong trang 15 để biết thông tin chi tiết.

## Không tháo bình ắc quy vì bình ắc quy sẽ được dùng trong khi mất điện.



\*Nếu dây ở túi bị đứt, lắp qua lỗ khác.

## Chú ý an toàn (Tuân thủ theo những chú ý này vì mục đích an toàn.)

Đọc kỹ những "Chú ý an toàn" này trước khi bắt đầu lắp đặt. Lắp đặt sản phẩm đúng cách. Sách hướng dẫn này sử dụng nhiều kí hiệu khác nhau để đảm bảo lắp đặt đúng và an toàn đồng thời phòng tránh chấn thương cho khách hàng, chấn thương cho những người khác và hư hại tài sản. Dưới đây là phần chú giải các biểu tượng.

**⚠️ Cảnh thận** Sử dụng hoặc lắp đặt sản phẩm này không đúng cách có thể gây ra chấn thương hoặc hư hại tài sản.

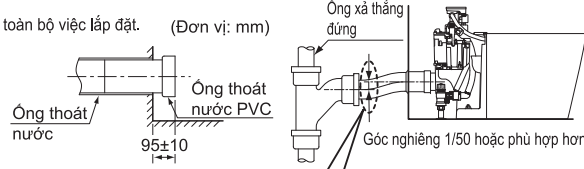
- ⊘** Biểu tượng này có nghĩa là không được thực hiện bất cứ thay đổi nào đối với sản phẩm này.
- ⚠️** Biểu tượng này có nghĩa đây là bước bắt buộc khi sử dụng sản phẩm này.

### ⚠️ Cảnh thận

⊘ Cấm	<b>Không để bồn cầu chịu lực hoặc va chạm quá mạnh.</b> Nếu không, bồn cầu có thể bị vỡ và gây chấn thương hoặc rò rỉ, có thể làm hư hại tài sản.
	<b>Không uốn cong hoặc vặn xoắn ống cấp nước quá mức.</b> Nếu không, ống mềm cấp nước có thể bị thủng gây rò rỉ, có thể làm hư hại tài sản.
	<b>Không tháo bộ lọc cấp nước ra khỏi sản phẩm trong khi van cấp nước đang mở.</b> Nếu van cấp nước chưa đóng, nước có thể phun ra ngoài gây rò rỉ, có thể làm hư hại tài sản.
⚠️ Bắt buộc	<b>Đảm bảo những bộ phận đi kèm hoặc bộ phận quy định phải được sử dụng cho việc lắp đặt.</b> Nếu không, sản phẩm có thể không được lắp đặt đúng cách.
	<b>Thực hiện công tác lắp đặt theo sách hướng dẫn lắp đặt này.</b> Nếu không, có thể xảy ra hư hại do rò rỉ.

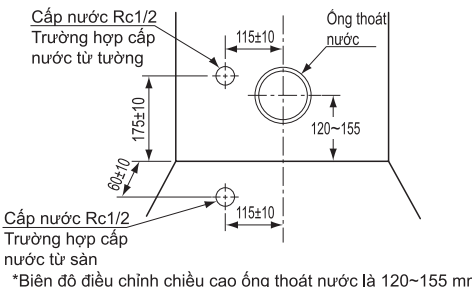
## Lưu ý trước khi lắp đặt

- Đảm bảo không gian cần thiết cho việc lắp đặt bồn cầu và đồng thời kiểm tra việc đóng/mở cửa có gây trở ngại hay không.
- Việc nhận tín hiệu của bộ điều khiển từ xa có thể kém đi và bộ NEOREST có thể không phản ứng với bộ điều khiển từ xa nếu có kệ hoặc tủ ở tường phía sau cách sàn nhà chưa tới 1400 mm. (Kệ và tủ lưu trữ nên cách sàn nhà trên 1400 mm.)
- Bật điện và cấp nước cho sản phẩm sau khi hoàn tất toàn bộ việc lắp đặt. (Đơn vị: mm)
- Sử dụng cẩn thận để không làm hỏng đầu ống nối.
- Yêu cầu áp lực nước tối thiểu (khi chảy) là 0,05 MPa ở 10 L/phút trong khi áp lực nước tối đa (khi lặng) là 0,75 MPa.
- Sử dụng NEOREST trong phạm vi này.
- Vui lòng rửa sạch hết bụi hoặc cát trong ống cấp nước trước khi lắp van cấp nước.
- Đảm bảo trước khi lắp đặt, nguồn cấp nước và ống thoát nước đều ở đúng vị trí quy định như trong sơ đồ. Nếu định vị ống tháo nước không chính xác thì không thể lắp sản phẩm đúng cách.

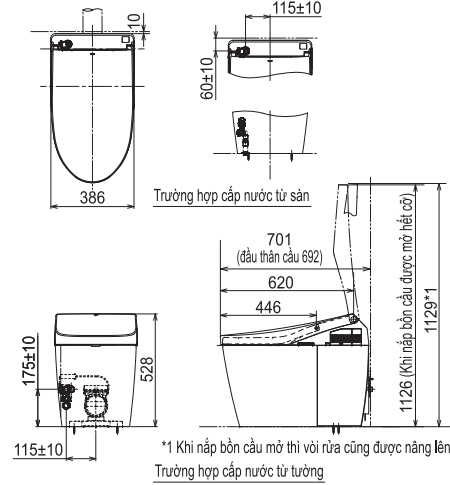


Nếu dùng vòng kẹp ống xả, khung đỡ, nẹp ống, hay các bộ phận cố định ống khác để cố định vị trí, trước hết cần điều chỉnh độ cao để có thể nối tới đầu xả nước thải nhà vệ sinh. Cẩn thận để không kéo ống xả điều chỉnh được chiều cao hoặc đẩy lồi lên, khi cố định vị trí.

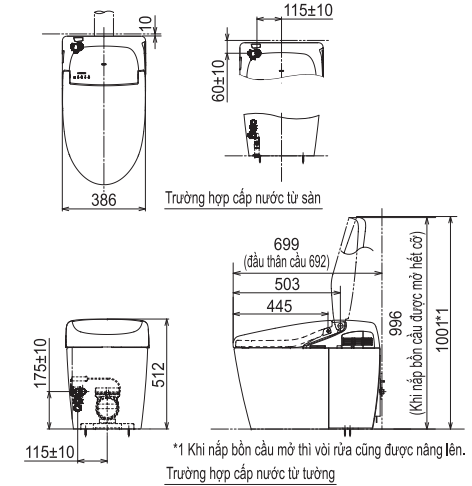
**⚠️ Cảnh thận**  
**⚠️** Không đảo chiều dốc của ống xả  
Khả năng rửa trôi của sản phẩm có thể bị giảm, và nước bẩn có thể chảy ngược vào trong con thố.  
**⚠️** Bắt buộc



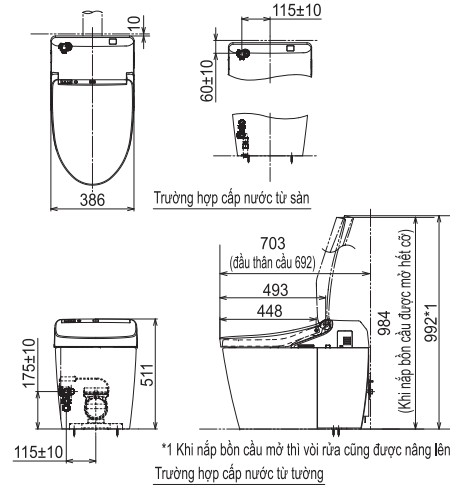
### Sơ đồ sản phẩm (Lắp đặt hoàn thiện) loại AH (Đơn vị: mm)



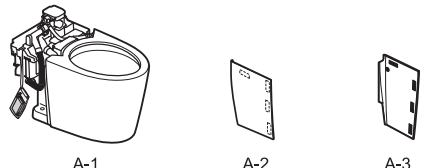
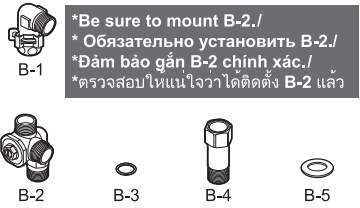

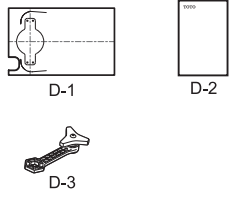
### Sơ đồ sản phẩm (Lắp đặt hoàn thiện) loại RH (Đơn vị: mm)



### Sơ đồ sản phẩm (Lắp đặt hoàn thiện) loại DH (Đơn vị: mm)



**Included parts/Комплекующие части/Các bộ phận đi kèm/ชิ้นส่วนที่มีมาให้**

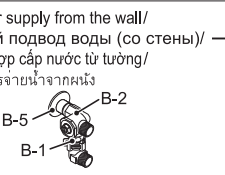
 <p>A-1 A-2 A-3</p>	<p><b>*Be sure to mount B-2./</b>  <b>*Обязательно установить B-2./</b>  <b>*Đảm bảo gắn B-2 chính xác./</b>  <b>*ตรวจสอบให้แน่ใจว่าได้ติดตั้ง B-2 แล้ว</b></p>  <p>B-1 B-2 B-3 B-4 B-5</p>
 <p>C-1 C-2 C-3 C-4 C-5 C-6 C-7</p> <p><b>*Floor flange with rubber joint and manual lever/</b>  <b>*C резиновой муфтой и ручным рычагом/</b>  <b>*Có cần gạt tay với khớp cao su/</b>  <b>*ที่ตั้งชักโครกมือแบบขอดอยาง</b></p> <p><b>*Be sure to mount C-2./</b>  <b>*Проверьте, что установлены детали C-2./</b>  <b>*Đảm bảo gắn C-2 chính xác./</b>  <b>*ตรวจสอบให้แน่ใจว่าได้ติดตั้ง C-2 แล้ว</b></p> <p><b>*D-3 is affixed on the backside of A-2./</b>  <b>*Наклеено на тыльной стороне A-2./</b>  <b>*Gắn D-3 vào mặt sau của A-2./</b>  <b>*D-3 ถูกติดอยู่ที่ด้านหลังของ A-2</b></p>	 <p>D-1 D-2 D-3</p>

\*The product may be slightly different in shape than the product shown in the figure depending on the model. /  
 \* В зависимости от модели данное изделие может незначительно отличаться от изображенного на рисунке. /  
 \*Hình dạng sản phẩm có thể hơi khác biệt so với sản phẩm trong mô tả tùy thuộc vào từng mẫu. /  
 \*ผลิตภัณฑ์อาจมีรูปร่างแตกต่างจากผลิตภัณฑ์ที่แสดงในภาพ ซึ่งขึ้นอยู่กับรุ่นของผลิตภัณฑ์

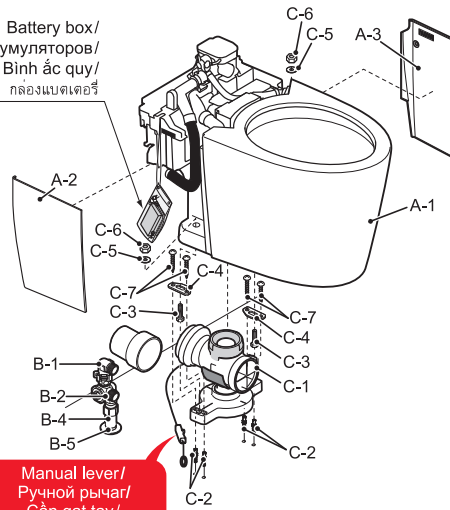
**Part diagram/Схема узлов и деталей/Сơ đồ bộ phận/แผนภาพชิ้นส่วน**

**Caution** Do not remove the battery box. /  
**Внимание** Не снимайте блок аккумуляторов. /  
**Cẩn thận** Không được tháo bình ắc quy. /  
**ข้อควรระวัง** ห้ามถอดกล่องแบตเตอรี่

For water supply from the wall /  
 Боковой подвод воды (со стены) /  
 Trường hợp cấp nước từ tường /  
 สำหรับการจ่ายน้ำจากผนัง



B-5 B-1



Battery box /  
 Блок аккумуляторов /  
 Bình ắc quy /  
 กล่องแบตเตอรี่

Manual lever /  
 Ручной рычаг /  
 Cần gạt tay /  
 ที่ตั้งชักโครกมือ

**Caution** Be sure to install the shutoff valve (with filter) (B-2) included with the toilet. /  
**Внимание** Убедитесь, что установлен запорный клапан (с фильтром) (B-2), которым укомплектован данный унитаз. /  
 Загрязнение фильтра может привести к нарушению подачи воды и слива. /  
**Cẩn thận** Hãy chắc chắn lắp đặt van chặn (có bộ lọc) (B-2) đi kèm phòng vệ sinh. /  
 Bụi bẩn có thể gây trục trặc về ngắt hoặc xả. /  
**ข้อควรระวัง** ตรวจสอบให้แน่ใจว่าได้ติดตั้งส้วกตัวเปิด-ปิด (พร้อมแผ่นกรอง)(B-2) ที่ให้มาพร้อมกับโถสุขภัณฑ์ /  
 อยุ่คราบสกปรกอาจทำให้เกิดปัญหาในการเปิดปิดส้วกหรือระบายของเหลว

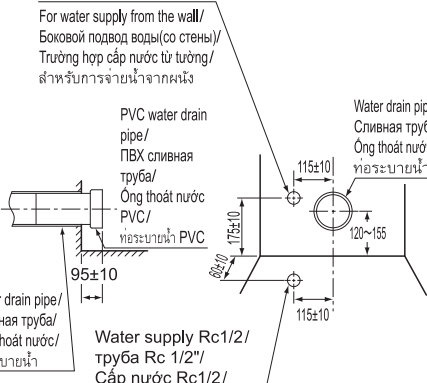
**Installation procedure/Способ установки/Quy trình lắp đặt/ขั้นตอนการติดตั้ง**

**1**

Water supply Rc1/2" /  
 труба Rc 1/2" /  
 Cấp nước Rc1/2" /  
 หัวจ่ายน้ำ Rc1/2

(Unit: mm) /  
 (ед.: мм) /  
 (Đơn vị: mm) /  
 (หน่วย: มม.)

For water supply from the wall /  
 Боковой подвод воды (со стены) /  
 Trường hợp cấp nước từ tường /  
 สำหรับการจ่ายน้ำจากผนัง



PVC water drain pipe /  
 ПВХ сливная труба /  
 Ống thoát nước PVC /  
 ท่อระบายน้ำ PVC

Water drain pipe /  
 Сливная труба /  
 Ống thoát nước /  
 ท่อระบายน้ำ

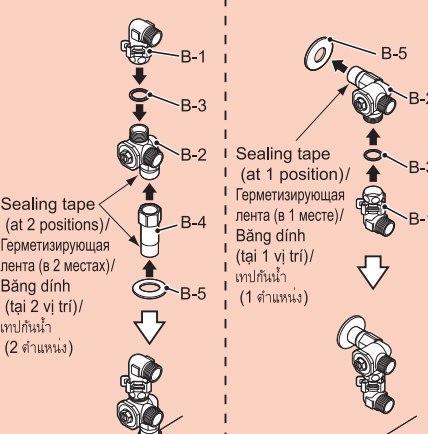
Water supply Rc1/2" /  
 труба Rc 1/2" /  
 Cấp nước Rc1/2" /  
 หัวจ่ายน้ำ Rc1/2

For water supply from the floor /  
 Нижний подвод воды (с пола) /  
 Trường hợp cấp nước từ sàn /  
 สำหรับการจ่ายน้ำจากพื้น

**2**

<For water supply from the floor>  
 <Нижний подвод воды (с пола)>  
 <Trường hợp cấp nước từ sàn>  
 <สำหรับการจ่ายน้ำจากพื้น>

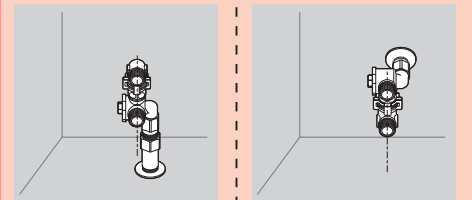
<For water supply from the wall>  
 <Боковой подвод воды (со стены)>  
 <Trường hợp cấp nước từ tường>  
 <สำหรับการจ่ายน้ำจากผนัง>



Sealing tape (at 1 position) /  
 Герметизирующая лента (в 1 месте) /  
 Băng dính (tại 1 vị trí) /  
 เทปกั้นน้ำ (1 ตำแหน่ง)

Sealing tape (at 2 positions) /  
 Герметизирующая лента (в 2 местах) /  
 Băng dính (tại 2 vị trí) /  
 เทปกั้นน้ำ (2 ตำแหน่ง)

\*The adjustment margin for the water drain height is 120~155mm. /  
 \* Диапазон высоты сливной трубы 120 - 155 мм. /  
 \*Biên độ điều chỉnh chiều cao ống thoát nước là 120~155mm. /  
 \*ขอบเขตการปรับความสูงของท่อระบายน้ำคือ 120-155 มม.



\*If there is a gap between the straight pipe and the floor, fill it with mold-resistant silicone-based seal material (Mediseal), and then attach a cover seal(B-5). Doing otherwise may cause water to leak downstairs. /  
 \*Если между прямой трубой и полом есть зазор, заполните его устойчивым к плесени силиконовым герметиком (Mediseal), а затем установите защитную крышку. /  
 В противном случае может произойти протечка воды. /  
 \*Nếu có khe hở giữa ống trụ và sàn, hãy bít kín khe hở bằng vật liệu bít kín gốc silicon chống nấm mốc (Mediseal), sau đó gắn vòng bít ngoài(B-5). Nếu không nước có thể rò rỉ xuống dưới sàn. /  
 \*หากมีช่องว่างระหว่างท่อต่อและพื้น ให้อุดด้วยวัสดุกันรั่วที่ทำมาจากซิลิโคนและป้องกันเชื้อรา (Mediseal) หลังจากนั้นให้ประกอบซิลิกันรั่ว(B-5) หากไม่ดำเนินการดังกล่าว น้ำอาจรั่วซึมลงมาข้างล่างได้

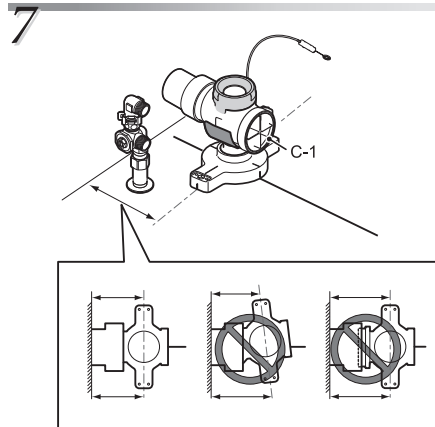
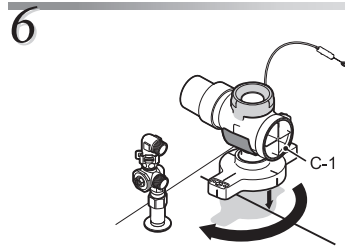
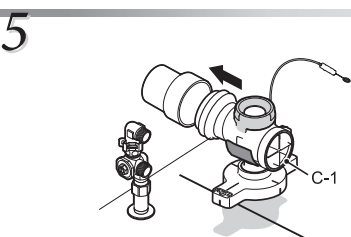
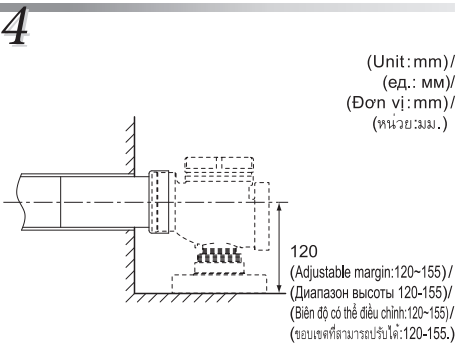
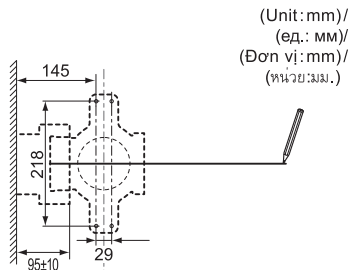
**Caution** Be sure to install the shutoff valve (with filter) (B-2) included with the toilet.  
Dirt contamination could cause shutoff or discharge defects./

**Внимание** Убедитесь, что установлен запорный клапан (с фильтром) (B-2), которым укомплектован данный унитаз. Загрязнение фильтра может привести к нарушению подачи воды и слива./

**Cẩn thận** Hãy chắc chắn lắp đặt van chặn (có bộ lọc) (B-2) đi kèm phòng vệ sinh. Bụi bẩn có thể gây trục trặc về ngắt hoặc xả./

**ข้อควรระวัง** ตรวจสอบให้แน่ใจว่าได้ติดตั้งวาล์วปิด-เปิด (พร้อมแผ่นกรอง) (B-2) ที่ให้มาพร้อมกับโถสุขภัณฑ์ รอยคราบสกปรกอาจทำให้เกิดปัญหาในการเปิดปิดวาล์วหรือระบายของเหลว

**3** (For 95 mm projection of water drain pipe)/  
(При выступе сливной трубы 95 мм)/  
(Dành cho phần nhô ra 95 mm của ống thoát nước)/  
(สำหรับท่อระบายน้ำที่ยื่นออกมาจากผนัง 95 มม.)



**EN** **Caution**

**!** Do not reverse gradient of the discharge pipe  
The washing performance of the product might decrease, and filthy water might flow backward into the trap.

Required

**RU** **Внимание**

**!** Не устанавливайте отводную трубу с обратным уклоном  
В противном случае у унитаза может ухудшиться смыв или может начаться обратное перетекание грязной воды в его гидрозатвор.

Требуется

**VI** **Cẩn thận**

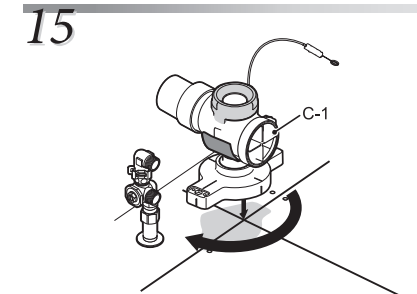
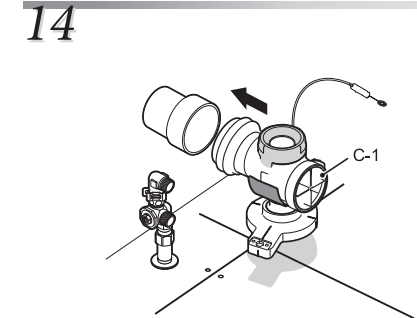
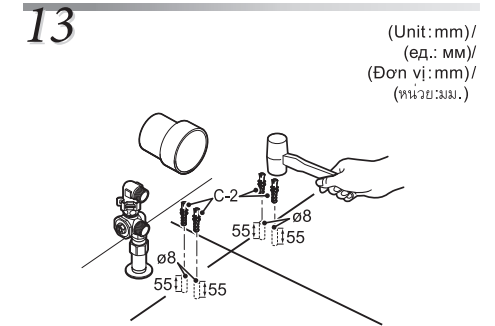
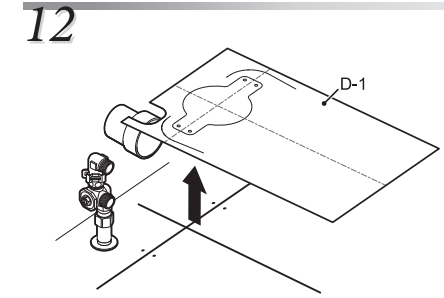
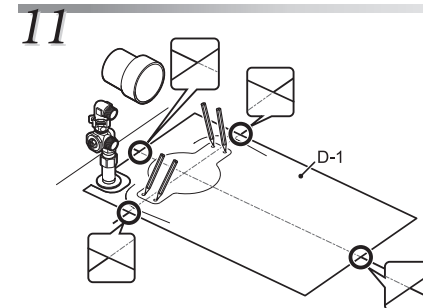
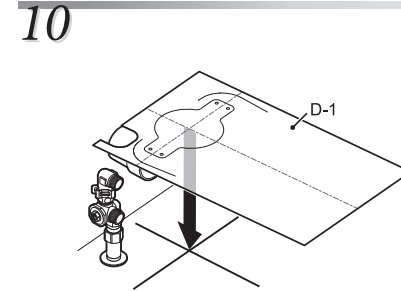
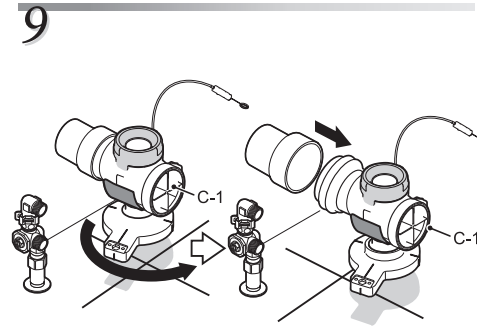
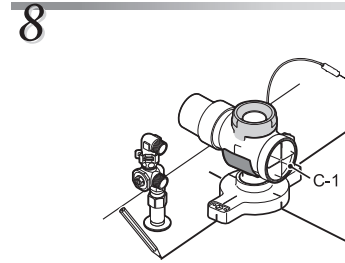
**!** Không đảo chiều dốc của ống xả  
Khả năng rửa trôi của sản phẩm có thể bị giảm, và nước bẩn có thể chảy ngược vào trong con thỏ.

Bắt buộc

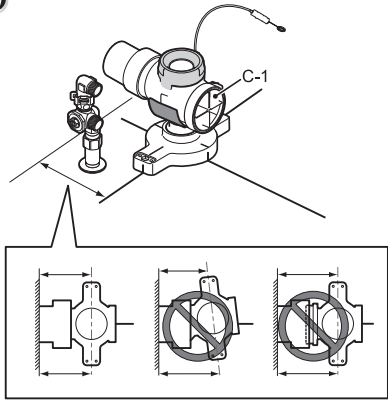
**TH** **ข้อควรระวัง**

**!** อย่าให้ท่อระบายเอียงกลับด้านกัน  
เนื่องจากจะทำให้ประสิทธิภาพการชำระล้างของผลิตภัณฑ์ลดลง และน้ำสกปรกอาจไหลย้อนกลับเข้าไปในท่อนักน้ำ

สิ่งที่ต้องทำ






**EN** **Caution**

**Do not reverse gradient of the discharge pipe**  
The washing performance of the product might decrease, and filthy water might flow backward into the trap.

**RU** **Внимание**

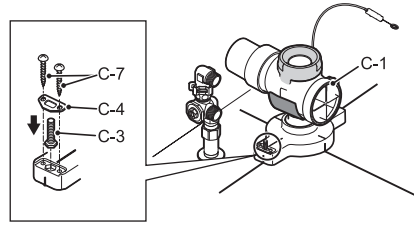
**Не устанавливайте отводную трубу с обратным уклоном**  
В противном случае у унитаза может ухудшиться смыв или может начаться обратное перетекание грязной воды в его гидрозатвор.

**VI** **Cẩn thận**

**Không đảo chiều dốc của ống xả**  
Khả năng rửa trôi của sản phẩm có thể bị giảm, và nước bẩn có thể chảy ngược vào trong con thỏ.

**TH** **ข้อควรระวัง**

**อย่าให้ท่อระบายเอียงกลับด้านกัน**  
เนื่องจากจะทำให้ประสิทธิภาพการชำระล้างของผลิตภัณฑ์ลดลง และน้ำสกปรกอาจไหลย้อนกลับเข้าไปในท่อพักน้ำ


**Caution**

Insert the head of the hexagonal bolt completely in the hexagonal hole of the water drain socket.

If it is not inserted completely, the toilet bowl may be unstable.

**When installing, be careful that the wire does not get pinched between the floor and discharge socket.**

**Внимание** Надежно закрепить 6-гранными болтами крепление слива унитаза, чтобы обеспечить прочное крепление унитаза.

При установке обратите внимание, чтобы провод не оказался зажатым между полом и сливной муфтой.

**Cẩn thận**

**Cố định chặt đầu bu-lông lục giác vào trong lỗ lục giác của đầu nối ống thoát nước.**

Nếu như không cố định chặt, bồn cầu sẽ không vững.

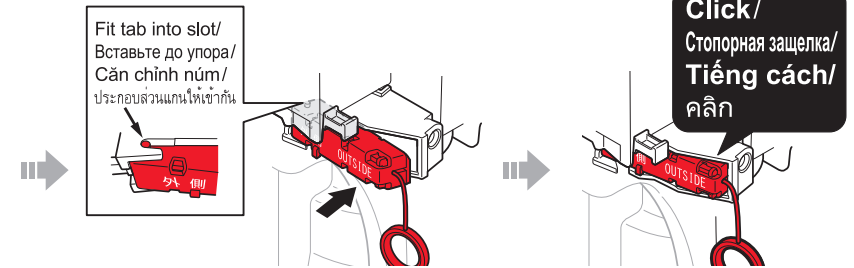
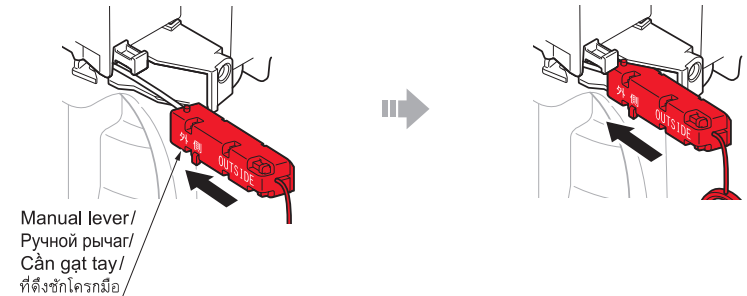
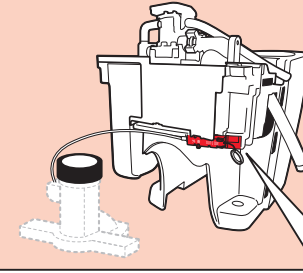
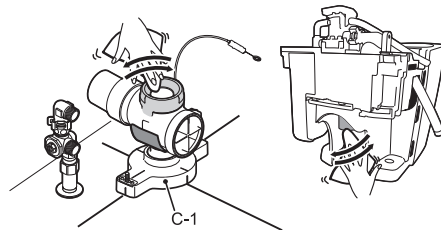
**Khi lắp, cẩn thận để không làm dây bị kẹp giữa sàn và chân ống xả.**

**ข้อควรระวัง**

**ใส่หัวของสลักเกลียวรูปหกเหลี่ยมในรูหกเหลี่ยมของเบ้าขอต่อท่อระบายน้ำให้แน่น**

หากไม่ใส่ให้แน่น โถสุขภัณฑ์อาจโยกคลอนได้

**ขณะทำการติดตั้งโปรดระวังอย่าให้สายไฟถูกหนีบติดอยู่ระหว่างพื้นและช่องระบายน้ำ**



**\*After mounting, check that the manual lever does not detach./**

**\*После установки ручного рычага убедитесь, что он не вынимается./**

**\*Sau khi lắp, kiểm tra để đảm bảo cần gạt không bị rời ra./**

**\*เมื่อติดตั้งเสร็จ ตรวจสอบให้แน่ใจว่าที่ดึงชักโครกมือจะไม่หลุดออกมา**

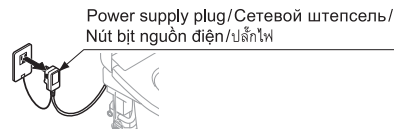
**If the unit emits an electronic noise and all lamps are flashing/  
Если изделие издаёт электронные сигналы и мигают все индикаторы/  
Nếu bộ đèn báo điện tử và mọi đèn sáng lên/  
กรณีระบบอิเล็กทรอนิกส์ส่งสัญญาณเสียงรบกวนและสัญญาณไฟกระพริบทุกดวง**

Electronic noise emitted /  
Издаются электронные сигналы/  
Có âm báo điện tử/ระบบอิเล็กทรอนิกส์ส่งสัญญาณเสียงรบกวน

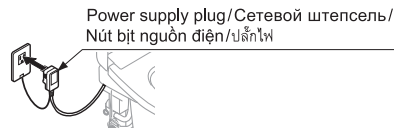
All lamps flashing / Мигают все индикаторы/  
Mọi đèn đều sáng/สัญญาณไฟทุกดวงมีการกระพริบ



① Remove the power supply plug /  
Вытащите сетевой штепсель /  
Tháo nút bịt nguồn cấp điện/ทำการถอดปลั๊กไฟออก

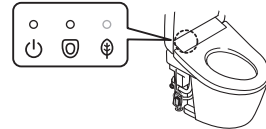


② Install the manual lever according to 19 /  
Установите ручной рычаг как описано в разделе 19 /  
Lắp cần gạt tay theo 19 /  
ติดตั้งที่ติดตั้งโครมมือตาม 19



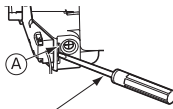
③ Insert the power supply plug /  
Вставьте сетевой штепсель /  
Đặt nút bịt nguồn cấp điện/เสียบปลั๊กไฟ

Confirm that the electronic noise has stopped and that no lamps are flashing /  
Убедитесь в том, что электронные сигналы исчезли, а индикаторы не мигают /  
Đảm bảo âm báo điện tử đã ngừng phát và không đèn nào sáng /  
ตรวจสอบว่าสัญญาณเสียงอิเล็กทรอนิกส์หยุดลงและไฟทุกดวงหยุดกระพริบ



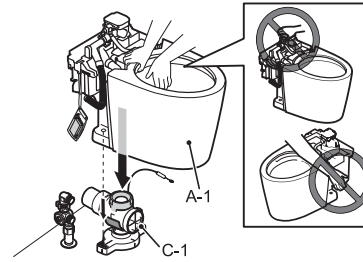
< Remove the manual lever >  
< Снимите ручной рычаг >  
< Tháo cần gạt tay >  
< ถอดที่ติดตั้งโครมมือ >

Flat-head screwdriver /  
Плоская отвертка /  
Tuốc-nơ-vít dẹt /  
ไขควงปากแบน



Insert a flat-head screwdriver or other tools into (A) shown in the figure to unlock and then remove the manual lever. /  
Снимите ручной рычаг, предварительно сняв его со стопора с помощью плоской отвертки или другого инструмента, вставленного, как показано на рисунке знаком (A) /

Đặt tuốc-nơ-vít dẹt hoặc các dụng cụ khác vào điểm (A) như trong hình để mở khóa và tháo cần gạt. /  
สอดไขควงปากแบนหรือเครื่องมืออื่นในภาพประกอบ (A) เพื่อเปิดที่ติดตั้งโครมมือแล้วถอดออก



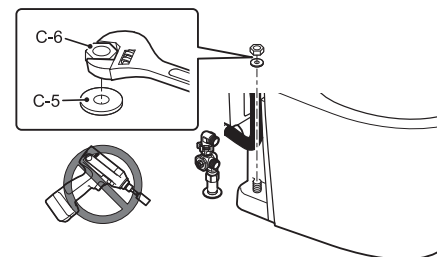
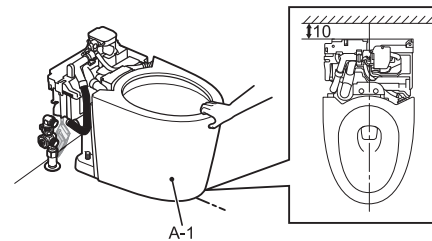
**How to handle the manual lever /  
Как пользоваться ручным рычагом /  
Cách xử lý cần gạt tay/วิธีใช้ที่ติดตั้งโครมมือ**

Do not pinch the manual lever /  
Не прикладывайте больших усилий к ручному рычагу /  
Không kẹp cần gạt tay /  
ห้ามทำให้อ่างโครมมือถูกหนีบ



\*Do not pull the manual lever, or cause it to be pinched by the toilet bowl. /  
\*Не тяните за ручной рычаг и не допускайте, чтобы он задевал за унитаз. /  
\*Không kéo cần gạt tay hay để cần gạt bị kẹp bởi bồn cầu. /  
\*ห้ามดึงตัวติดตั้งโครมมือหรือทำให้ที่ติดตั้งโครมมือถูกหนีบกับโถสุขภัณฑ์

(Unit: mm) /  
(ед.: мм) /  
(Đơn vị: mm) /  
(หน่วย: มม.)



Mount the top unit according to the installation manual.

• It is not malfunction even if water flows in the toilet bowl after the water shutoff valve is opened.

If electrical power is available, insert the power plug in the outlet to stop the water flow.

If electrical power is not available, close the shutoff valve to stop water.

When electrical power is available, turn the unit on and then open the shutoff valve.

Refer to the enclosed installation manual of top unit.

• Confirm the operation of the manual lever.

After performing a test run of the main washlet unit, confirm operation.

Установку крышки-сиденья Washlet производить согласно его прилагаемой инструкции.

• В унитаз после открытия запорного клапана может начать течь вода. Это нормально.

Вода перестанет течь после того, как по завершении электромонтажных работ сетевой штепсель будет вставлен в розетку.

Если электромонтажные работы еще не завершены, то для остановки воды нужно закрыть запорный клапан.

По завершении электромонтажных работ вставьте сетевой штепсель и откройте запорный клапан.

Установку следует выполнять согласно Руководству по установке, которое поставляется в комплекте с основным блоком крышки-биде.

• Убедитесь в правильной работе ручного рычага.

Убедитесь в правильной работе основного блока крышки-биде после его пробного включения.

Gắn phần trên theo hướng dẫn lắp đặt.

• Không phải là sự cố kể cả khi nước vẫn chảy vào bồn cầu sau khi van khoá nước đã mở.

Nếu có nguồn điện, cắm phích cắm điện vào ổ cắm để nước ngừng chảy.

Nếu không có nguồn điện, đóng van khoá nước để nước ngừng chảy.

Khi đã có nguồn điện, bật thiết bị và sau đó mở van khoá.

Tham khảo hướng dẫn lắp đặt đi kèm với phần trên.

• Xác nhận hoạt động của cần gạt tay.

Sau khi thực hiện chạy thử bộ Washlet chính, xác nhận hoạt động.

ติดตั้งส่วนบนของผลิตภัณฑ์ตามคู่มือการติดตั้ง

• ส่วนนี้ไม่ใช่ทำงานผิดปกติแม้ว่าจะมีน้ำไหลในโถสุขภัณฑ์หลังเปิดวาล์วเปิด-ปิดน้ำแล้ว กรณีที่ไฟฟ้ายังใช้งานได้ ให้เสียบปลั๊กไฟในตำแหน่งหยุดการไหลของน้ำ

กรณีที่ไฟฟ้าไม่สามารถใช้งานได้ ให้ปิดวาล์วเปิด-ปิดน้ำเพื่อหยุดน้ำ

เมื่อไฟฟ้าใช้งานได้แล้ว ให้เปิดน้ำเริ่มการทำงานของส่วนผลิตภัณฑ์ก่อน

จากนั้นค่อยเปิดวาล์วเปิด-ปิดน้ำ

กรุณาดูคู่มือการติดตั้งส่วนบนของผลิตภัณฑ์ที่แนบมาไว้

• ตรวจสอบการทำงานของตัวติดตั้งโครมมือโถสุขภัณฑ์

หลังจากทดสอบการทำงานของโถสุขภัณฑ์ Washlet หลักแล้ว

ยืนยันการทำงานให้แน่ใจอีกที

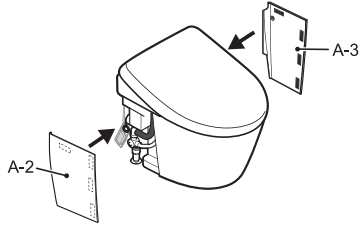
**Connection of the water supply hose /  
Способ подключения подвода воды /  
Nối ống cấp nước/การเชื่อมต่อสายจ่ายน้ำ**

Toilet bowl water supply hose (black)/  
Подводка воды к унитазу (черная)/  
Ống cấp nước cho bồn cầu (màu đen)/  
สายจ่ายน้ำโถสุขภัณฑ์ (สีดำ)

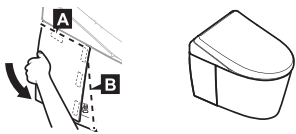
Washlet water supply hose (white)/  
Подводка воды к крышке-биде (белая)/  
Ống cấp nước cho Washlet (màu trắng)/  
สายจ่ายน้ำสำหรับ Washlet (สีขาว)

Push the white hose toward the backside of the black hose/  
Протолкните белую подводку позади черной/  
Đẩy ống màu trắng về mặt sau của ống màu đen/  
กดสายสีขาวไปทางด้านหลังของสายสีดำ

\*The figure is for a floor water supply/  
\*Показан вывод водопроводной трубы из пола/  
\*Hình minh họa dành cho trường hợp cấp nước từ sàn/  
\*ภาพประกอบเป็นภาพสำหรับกราดจ่ายน้ำจากพื้น

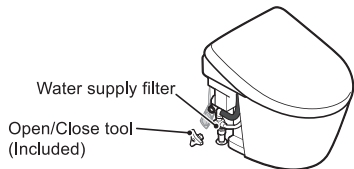


Install the side panel aligned with A and B in the figure (the dotted lines), so that there are no noticeable gaps./  
Установите боковую панель, как показано на рисунке, совместив ее края с пунктирными линиями A и B так, чтобы между ними не было видимых зазоров./  
Lắp panel bên thẳng với A và B trong hình (dùng chấm chấm), sao cho không có khoảng cách đáng kể./  
ติดตั้งแผงด้านข้างให้ตรงกับตำแหน่ง A และ B ดังในรูป (เส้นประ) เพื่อไม่ให้เห็นช่องว่างที่มีอยู่



**EN**

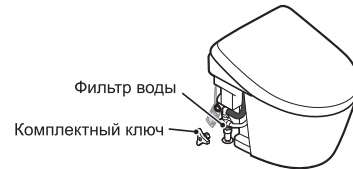
- After the trial-run (flush) of the toilet bowl, check the toilet bowl inside for foreign matter such as chips of cut pipe, etc. Foreign matters such as transmitted rust can stick to the sides. Otherwise, foreign matter such as rust may be deposited in the toilet bowl.
  - Be sure to close the water supply valve and clean the water supply filter after a trial-run.
  - Remove the water supply filter using the open/close tool included with the toilet bowl or a ratchet wrench to clean the filter.
  - After cleaning the filter, open the water supply valve.
  - After conducting a test run, confirm that no connections are leaking water.
- Not installing the properly may cause water leaks that could result in flooding damage to property, such as household belongings.



- Make sure that there are no scratches or other damage on the ceramic surface.  
If the ceramic surface is tightly pressed or rubbed against metals (watchbands, belt buckles, etc.), black or silver streak marks may be left on the surface.
- After installation, unsealant dirt (oil or adhesive for piping) may remain in the toilet bowl.  
Be sure to wipe it off using a non-abrasive neutral detergent for toilets.  
Otherwise, the toilet bowl surface may not flush completely clean.
- Confirm that there is no noticeable gap between the porcelain and side panel and that neither part is lifted up. If the parts are not installed firmly, the side panel could detach.

**RU**

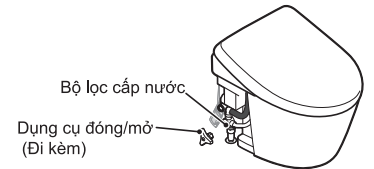
- После пробного смыва убедиться, что на поверхности унитаза нет стружки и пр., оставшейся от нарезания труб. Не очищенная мелкая стружка может стать причиной ржавления и налипания посторонних предметов.
- После пробного смыва закрыть кран подачи воды и очистить фильтр.
- Отсоединить фильтр при помощи входящего в комплект ключа или трехзубчатого ключа, очистить его.
- По окончании очистки фильтра открыть кран подачи воды.
- Убедитесь в отсутствии утечки воды из каких-либо соединений после пробного слива.  
Неправильная установка может вызвать утечку воды, которая может привести к затоплению и порче имущества.



- Убедитесь, что на поверхность унитаза не были нанесены повреждения.  
При соприкосновении с поверхностью унитаза металлических предметов (браслета от часов, ремешковой пряжки и пр.) на ней могут остаться черные или серебристые цвета следы.
- По окончании установки на поверхности унитаза могут остаться незаметные следы от герметика, клея для труб и пр., их необходимо очистить туалетным чистящим средством (неабразивным).  
Если их не очистить, они приведут к значительному загрязнению унитаза при его использовании.
- Убедитесь в отсутствии видимого зазора между поверхностью фарфора и боковой панелью, а также в том, что нет приподнятых элементов. При ненадежном креплении элементов возможно отсоединение боковой панели.

**VI**

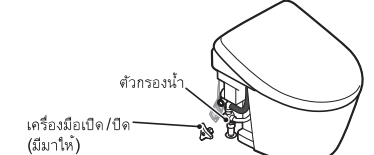
- Sau khi vận hành thử bồn cầu (xả), kiểm tra bên trong bồn cầu có vật lạ như mảnh vụn của ống cắt, v.v... hay không. Những vật lạ như mảnh vụn rơi vào có thể dính vào mặt bên.  
Nếu không, vật lạ như gỉ sắt có thể lắng lại trong bồn cầu.
- Đảm bảo đóng van cấp nước và vệ sinh bộ lọc cấp nước sau khi vận hành thử.
- Sử dụng dụng cụ đóng/mở đi kèm với bồn cầu hoặc cờ-lê bánh cóc tháo bộ lọc cấp nước để làm sạch bộ lọc.
- Sau khi làm sạch bộ lọc, mở van cấp nước.
- Sau khi thực hiện chạy thử, hãy xác nhận rằng không có mối nối nào bị rò rỉ nước.  
Không cài đặt đúng cách có thể gây ra rò rỉ nước dẫn đến hư hại tài sản do bị ngập nước, ví dụ như đồ dùng cá nhân trong nhà.



- Đảm bảo rằng không có trầy xước hoặc hư hại nào khác trên bề mặt gốm.  
Nếu bề mặt gốm bị ấn chặt hoặc chà xát với kim loại (đây đồng hồ, mặt thắt lưng, v.v...) có thể để lại những vết đen hoặc vết ánh bạc trên bề mặt.
- Sau khi lắp đặt, vết bẩn khó thấy (dầu hoặc keo dán ống) có thể còn dính trong bồn cầu.  
Đảm bảo lau sạch vết bẩn bằng chất tẩy rửa trung tính để không làm mòn bồn cầu.  
Nếu không, bề mặt bồn cầu sẽ không được xả sạch hoàn toàn.
- Xác nhận không có khoảng cách đáng kể giữa phần sứ cách điện và panel bên, và không bên nào bị nâng lên. Nếu các bộ phận này được lắp không chắc chắn, thì tấm vách bên có thể bị tách ra.

**TH**

- หลังทดลองการทำงาน (ชำระล้าง) ของโถสุขภัณฑ์แล้ว ให้ตรวจสอบด้านในโถว่ามีวัสดุแปลกปลอมหรือไม่ เช่น เศษท่อ ฯลฯ วัสดุแปลกปลอม อาจคราบสนิมอาจติดอยู่ตามด้านข้างโถได้ มิฉะนั้น วัสดุแปลกปลอม เช่น สนิม อาจจะสะสมในโถสุขภัณฑ์ได้
- ตรวจสอบให้แน่ใจว่าได้ปิดวาล์วจ่ายน้ำแล้วทำความสะอาดชุดกรองน้ำ หลังทดลองการทำงาน
- ออกตัวกรองน้ำออกโดยใช้เครื่องมือเปิด/ปิดซึ่งมีมาให้พร้อมกับโถสุขภัณฑ์ หรือประแจแหวน เพื่อทำความสะอาดชุดกรอง
- หลังทำความสะอาดชุดกรองแล้ว ให้เปิดวาล์วจ่ายน้ำ
- หลังจากทดลองการทำงานแล้ว ให้ตรวจสอบว่าไม่มีน้ำรั่วไหลออกจากข้อต่อ การติดตั้งโถไม่ถูกต้องอาจทำให้รั่วได้ ซึ่งจะทำให้เกิดน้ำท่วมขัง ทำให้ทรัพย์สิน เช่น ข้าวของเครื่องใช้ภายในบ้าน เกิดความเสียหาย



- ตรวจสอบให้แน่ใจว่าไม่มีรอยขีดข่วนหรือความเสียหายอื่น ๆ บนพื้นผิวเซรามิก หากพื้นผิวเซรามิกถูกรูดหรือถูกขีดด้วยโลหะ (สายนาฬิกาข้อมือ, หัวเข็มขัด ฯลฯ) อาจเกิดรอยสีน้ำตาลหรือสีเงินบนพื้นผิวได้
- หลังการติดตั้ง อาจมีคราบสกปรกที่มองเห็น (น้ำมันหรือกาวติดท่อ) ยังหลงเหลือติดอยู่ในโถสุขภัณฑ์  
ตรวจสอบให้แน่ใจว่าได้เช็ดคราบสกปรกต่าง ๆ ออกหมดแล้ว  
โดยใช้น้ำยาล้างห้องน้ำที่ไม่ทำโถสุขภัณฑ์สึกกร่อน  
มิฉะนั้น พื้นผิวของโถสุขภัณฑ์อาจไม่ได้รับการชำระล้างอย่างสะอาดหมดจด
- ให้ยืนยันว่าไม่มีช่องว่างระหว่างตัวโถสุขภัณฑ์และแผงด้านข้าง และไม่มีส่วนใดถูกยกขึ้น และทั้งสองส่วนจะต้องไม่ยกขึ้นขึ้นมา หากติดตั้งชิ้นส่วนไม่แน่นหนา อาจทำให้แผ่นด้านข้างหลุดออกมาได้

# TOTO

Installation manual/  
Инструкция по установке/  
시공설명서/Hướng dẫn lắp đặt/  
คู่มือการติดตั้ง



NEOREST (Toilet bowl)  
NEOREST (раздел об унитазах)  
NEOREST (도기부)  
NEOREST (Bồn cầu)  
NEOREST (โถสุขภัณฑ์)

Safety Cautions / Precaution before installation ..... P.2  
Соблюдать меры безопасности при выполнении работ /  
Внимание перед установкой ..... P.4  
안전에 관한 주의 / 설치 전의 주의 ..... P.6  
Chú ý an toàn / Lưu ý trước khi lắp đặt ..... P.8  
ข้อควรระวังด้านความปลอดภัย / ข้อควรระวังก่อนการติดตั้ง ..... P.10

Included parts / Комплектующие части / ..... P.12  
동봉 부품 / Các bộ phận đi kèm / ชิ้นส่วนที่มีมาให้

Part diagram / Схема узлов и деталей / ..... P.13  
각 부의 명칭 / Sơ đồ bộ phận / แผนภาพชิ้นส่วน

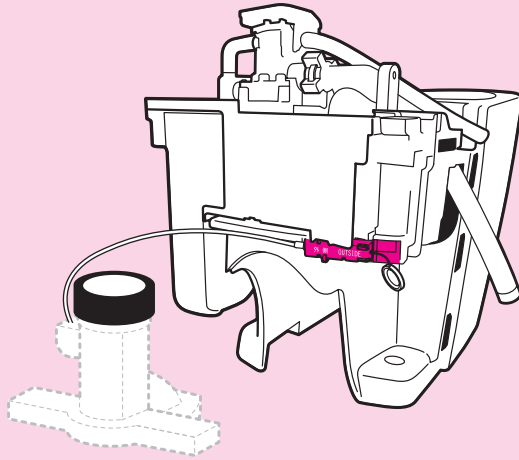
Installation procedure / Способ установки / ..... P.14  
시공방법 / Quy trình lắp đặt / ขั้นตอนการติดตั้ง

## VI

Lắp đặt sản phẩm đúng theo sách hướng dẫn này để đạt hiệu quả tốt nhất.  
 Khi hoàn thành công tác lắp đặt, giải thích chi tiết cách sử dụng sản phẩm này cho khách hàng.

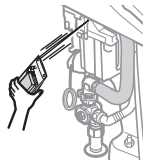
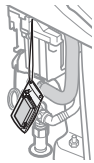
**Bắt buộc**

**Lắp cần gạt tay vào chân ống xả trước khi lắp bồn cầu.**



Xem 10 trong trang 18 để biết thông tin chi tiết.

**Không tháo bình ắc quy vì bình ắc quy sẽ được dùng trong khi mất điện.**



\*Nếu dây ở túi bị đứt, lắp qua lỗ khác.

**Chú ý an toàn (Tuân thủ theo những chú ý này vì mục đích an toàn.)**

Đọc kỹ những "Chú ý an toàn" này trước khi bắt đầu lắp đặt. Lắp đặt sản phẩm đúng cách.  
 Sách hướng dẫn này sử dụng nhiều kí hiệu khác nhau để đảm bảo lắp đặt đúng và an toàn đồng thời phòng tránh chấn thương cho khách hàng, chấn thương cho những người khác và hư hại tài sản.  
 Dưới đây là phần chú giải các biểu tượng.

**⚠️ Cảnh thận**

Sử dụng hoặc lắp đặt sản phẩm này không đúng cách có thể gây ra chấn thương hoặc hư hại tài sản.



Biểu tượng này có nghĩa là không được thực hiện bất cứ thay đổi nào đối với sản phẩm này.



Biểu tượng này có nghĩa đây là bước bắt buộc khi sử dụng sản phẩm này.

**⚠️ Cảnh thận**



Cấm

**Không để bồn cầu chịu lực hoặc va chạm quá mạnh.**

Nếu không, bồn cầu có thể bị vỡ và gây chấn thương hoặc rò rỉ, có thể làm hư hại tài sản.

**Không uốn cong hoặc vặn xoắn ống cấp nước quá mức.**

Nếu không, ống mềm cấp nước có thể bị thủng gây rò rỉ, có thể làm hư hại tài sản.

**Không tháo bộ lọc cấp nước ra khỏi sản phẩm trong khi van cấp nước đang mở.**

Nếu van cấp nước chưa đóng, nước có thể phun ra ngoài gây rò rỉ, có thể làm hư hại tài sản.



Bắt buộc

**Đảm bảo những bộ phận đi kèm hoặc bộ phận quy định phải được sử dụng cho việc lắp đặt.**  
 Nếu không, sản phẩm có thể không được lắp đặt đúng cách.

**Thực hiện công tác lắp đặt theo sách hướng dẫn lắp đặt này.**

Nếu không, có thể xảy ra hư hại do rò rỉ.

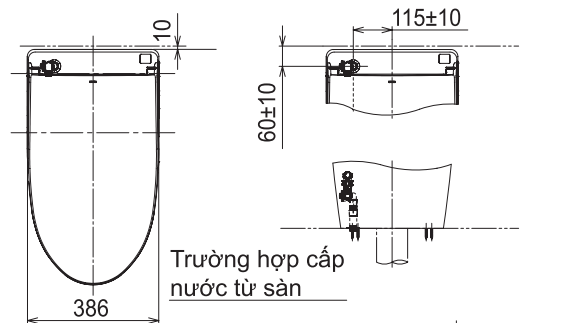


# VI

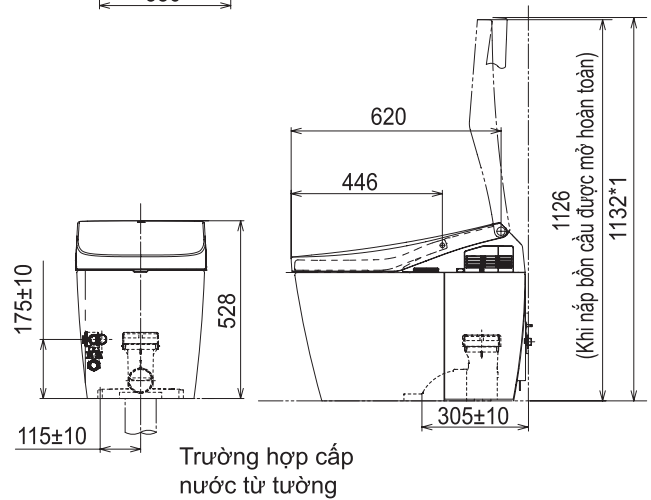
## Lưu ý trước khi lắp đặt

- Đảm bảo không gian cần thiết cho việc lắp đặt bồn cầu và đồng thời kiểm tra việc đóng/mở cửa có gây trở ngại hay không.
- Việc nhận tín hiệu của bộ điều khiển từ xa có thể kém đi và bộ NEOREST có thể không phản ứng với bộ điều khiển từ xa nếu có kệ hoặc tủ ở tường phía sau cách sàn nhà chưa tới 1400 mm. (Kệ và tủ lưu trữ nên cách sàn nhà trên 1400 mm.)
- Bật điện và cấp nước cho sản phẩm sau khi hoàn tất toàn bộ việc lắp đặt.
- Sử dụng cẩn thận để không làm hỏng đầu ống nối.
- Yêu cầu áp lực nước tối thiểu (khi chảy) là 0,05 MPa ở 10 L/phút trong khi áp lực nước tối đa (khi lặn) là 0,75 MPa.
- Vui lòng rửa sạch hết bụi hoặc cát trong ống cấp nước trước khi lắp van cấp nước.
- Đảm bảo trước khi lắp đặt, nguồn cấp nước và ống thoát nước đều ở đúng vị trí quy định như trong sơ đồ. Nếu định vị ống tháo nước không chính xác thì không thể lắp sản phẩm đúng cách.

### Sơ đồ sản phẩm (Lắp đặt hoàn thiện) loại AH (Đơn vị: mm)

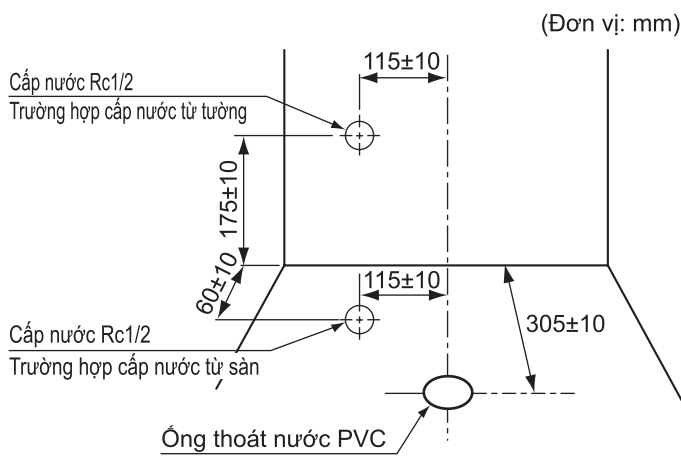


Trường hợp cấp nước từ sàn



Trường hợp cấp nước từ tường

\*1 Khi nắp bồn cầu mở thì vòi rửa cũng được nâng lên.



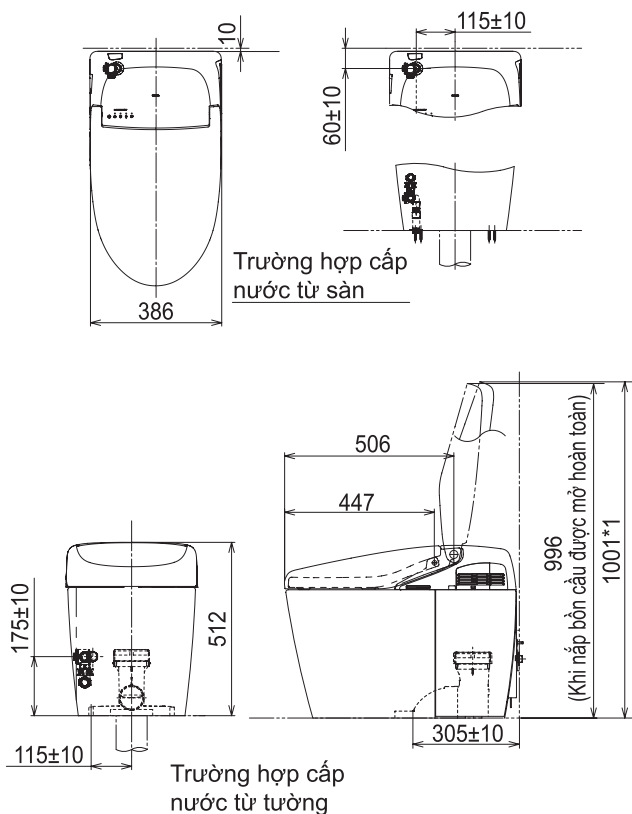
Cấp nước Rc1/2  
Trường hợp cấp nước từ tường

Cấp nước Rc1/2  
Trường hợp cấp nước từ sàn

Ống thoát nước PVC

(Đơn vị: mm)

### Sơ đồ sản phẩm (Lắp đặt hoàn thiện) loại RH (Đơn vị: mm)

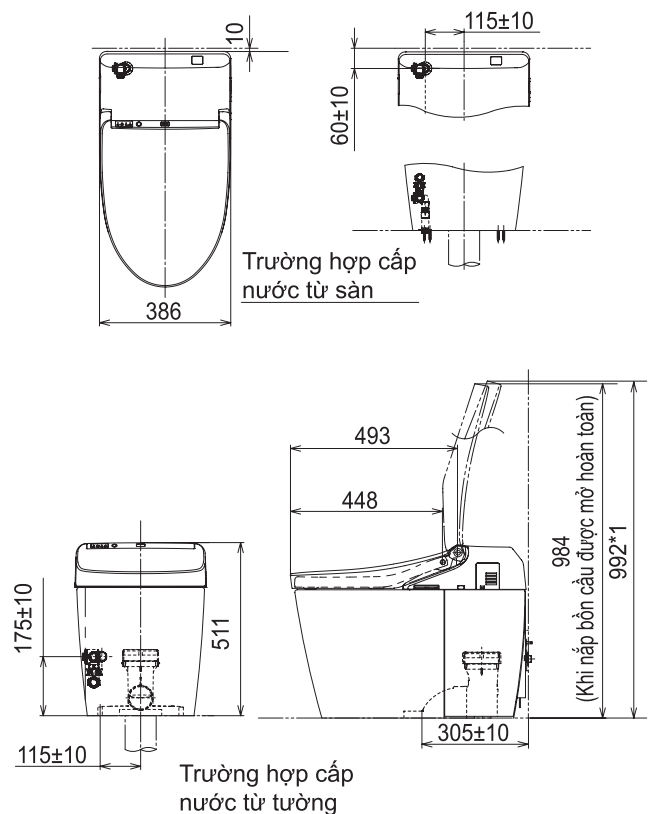


Trường hợp cấp nước từ sàn

Trường hợp cấp nước từ tường

\*1 Khi nắp bồn cầu mở thì vòi rửa cũng được nâng lên.

### Sơ đồ sản phẩm (Lắp đặt hoàn thiện) loại DH (Đơn vị: mm)

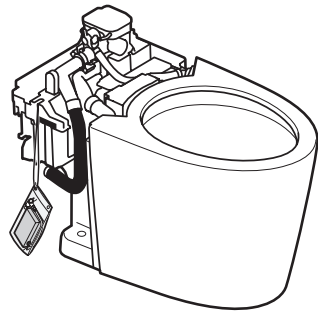


Trường hợp cấp nước từ sàn

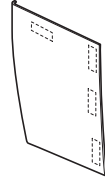
Trường hợp cấp nước từ tường

\*1 Khi nắp bồn cầu mở thì vòi rửa cũng được nâng lên.

**Included parts/Комплекующие части/동봉 부품/  
Các bộ phận đi kèm/ชิ้นส่วนที่มีมาให้**



A-1



A-2



A-3



B-1

**\*Be sure to mount B-1./\*Обязательно установить B-1./  
※B-1을 반드시 설치 하십시오./\*Đảm bảo gắn B-1 chính xác./  
\*ตรวจสอบให้แน่ใจว่าได้ติดตั้ง B-1 แล้ว**



B-2



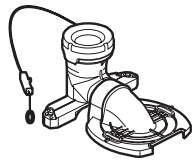
B-3



B-4



B-5



C-1

**\*Floor flange with rubber joint and manual lever/  
\*С резиновой муфтой и ручным рычагом/  
※고무 조인트 수동 레버 부착/\*Có cần gạt tay với khớp cao su/  
\*ติดตั้งชักโครกมือแบบข้อต่อยาง**



C-2

**\*Be sure to mount C-2./\*Проверьте, что установлены детали C-2./  
※C-2를 반드시 설치 하십시오./\*Đảm bảo gắn C-2 chính xác./  
\*ตรวจสอบให้แน่ใจว่าได้ติดตั้ง C-2 แล้ว**



C-3



C-4



C-5



C-6

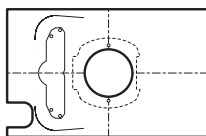


C-7



C-8

When using the floor flange, C-2 (2 pcs.), C-7 (2 pcs.) and C-8 (2 pcs.) are not used./  
При установке маскирующего фланца C-2 (2 шт.), C-7 (2 шт.), C-8 (2 шт.) не используются./  
바닥 플랜지를 사용하는 경우, C-2 (2개), C-7(2개), C-8 (2개)은 사용하지 않습니다./  
Khi sử dụng mặt bích sàn, không sử dụng C-2 (2 cái), C-7 (2 cái), và C-8 (2 cái)./  
เมื่อใช้หน้าแปลนยึดพื้น จะไม่ใช้ C-2 (2 ชิ้น), C-7 (2 ชิ้น) และ C-8 (2 ชิ้น)



D-1



D-2

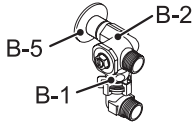


D-3

**\*D-3 is affixed on the backside of A-2./  
\*Наклеено на тыльной стороне A-2./  
※D-3는 A-2 뒷면에 부착되어 있습니다./  
\*Gắn D-3 vào mặt sau của A-2./  
\*D-3 ถูกติดอยู่ที่ด้านหลังของ A-2**

# Part diagram / Схема узлов и деталей / 각 부의 명칭 / Sơ đồ bộ phận / แผนภาพชิ้นส่วน

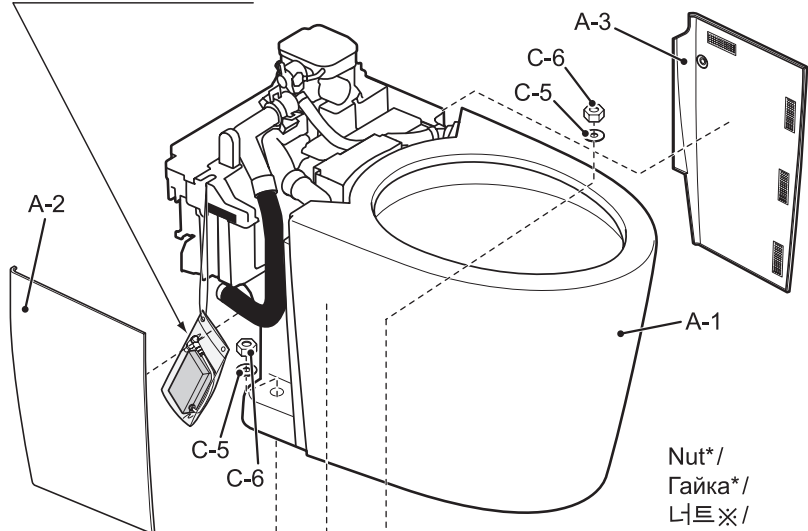
For water supply from the wall/  
Боковой подвод воды (со стены)/  
벽 급수의 경우/  
Trường hợp cấp nước từ tường/  
สำหรับการจ่ายน้ำจากผนัง



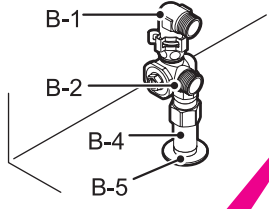
- Caution** Do not remove the battery box./
- Внимание** Не снимайте блок аккумуляторов./
- 주의** 전지 박스는 분리하지 마십시오./
- Cẩn thận** Không được tháo bình ắc quy./
- ข้อควรระวัง** ห้ามถอดกล่องแบตเตอรี่

Battery box/  
Блок аккумуляторов/  
전지 박스/  
Bình ắc quy/  
กล่องแบตเตอรี่

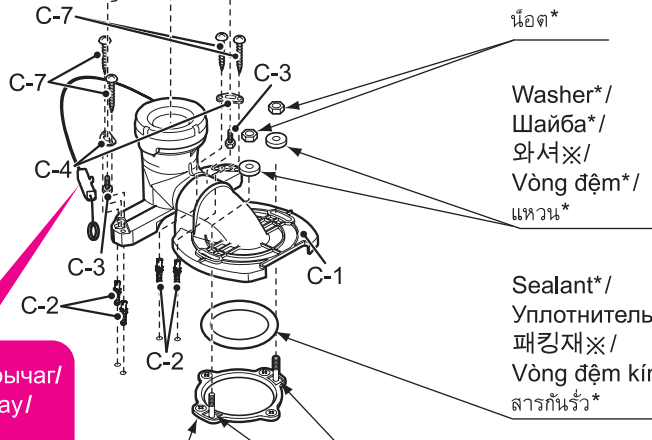
- Caution** Be sure to install the shutoff valve (with filter) included with the toilet. Dirt contamination could cause shutoff or discharge defects./
- Внимание** Убедитесь, что установлен запорный клапан (с фильтром), которым укомплектован данный унитаз. Засор может привести к нарушению подачи воды и слива./
- 주의** 변기와 함께 들어있는 필터 부착형 지수전을 반드시 설치하십시오. 이물질이 걸려 지수, 토수 불량일 위험이 있습니다./
- Cẩn thận** Hãy chắc chắn lắp đặt van chặn (có bộ lọc) đi kèm phòng vệ sinh. Bụi bẩn có thể gây trục trặc về ngắt hoặc xả./
- ข้อควรระวัง** ตรวจสอบให้แน่ใจว่าได้ติดตั้งวาล์วเปิด-ปิด (พร้อมแผ่นกรอง) ที่ให้มาพร้อมกับโถสุขภัณฑ์ รอยคราบสกปรกอาจทำให้เกิดปัญหาในการเปิดปิด วาล์วหรือระบายของเหลว



Nut\* /  
Гайка\* /  
너트※ /  
Đai ốc\* /  
น็อต\*



Manual lever / Ручной рычаг /  
수동 레버 / Cần gạt tay /  
ที่ดึงชักโครกมือ



Washer\* /  
Шайба\* /  
와셔※ /  
Vòng đệm\* /  
แหวน\*

Sealant\* /  
Уплотнитель\* /  
패킹재※ /  
Vòng đệm kín\* /  
สารกันรั่ว\*

T-bolt\* /  
Болт с Т-образной головкой\* /  
T볼트※ /  
Bu-lông chữ T\* /  
สลักเกลียวรูปตัว T\*

Floor flange\* / Маскирующий фланец\* /  
바닥 후렌지※ / Mặt bích sàn\* /  
หน้าแปลนยึดพื้น\*

\*The floor flange, T-bolt and sealant are not included./  
\*Напольный фланец, уплотнитель и детали для подключения напольного фланца и сливной муфты в комплект поставки изделия не входят. Их нужно приобрести отдельно./  
※바닥 후렌지, 패킹재, 바닥 후렌지와 배수 소켓을 연결하는 부품은 제품에 포함되어 있지 않습니다. 별도로 준비하십시오./  
\*Không bao gồm mặt bích sàn, bu-lông chữ T và vòng đệm kín./  
\*ไม่รวมหน้าแปลนยึดพื้น, สลักเกลียวรูปตัว T และสารกันรั่ว

# Installation procedure/Способ установки/시공방법/ Quy trình lắp đặt/ขั้นตอนการติดตั้ง

## 1

Water supply Rc1/2 For water supply from the wall/

Боковой подвод воды(со стены):

труба Rc 1/2/

벽 급수의 경우:급수Rc1/2/

Cấp nước Rc1/2 Trường hợp cấp nước từ tường/

ตัวจ่ายน้ำ Rc1/2 สำหรับการจ่ายน้ำจากผนัง

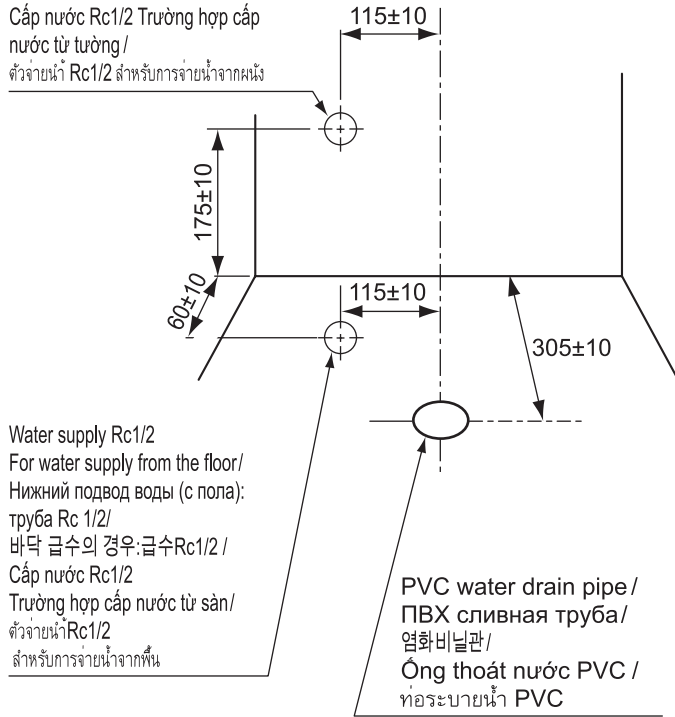
(Unit : mm)/

(ед.: мм)/

(단위:mm)/

(Đơn vị: mm)/

(หน่วย: มม.)



\*If there is a gap between the discharge pipe and floor, fill it with mold-resistant silicone-based seal material (Mediseal). Doing otherwise may cause water to leak downstairs./

\* Если между отводной трубой и полом есть зазор, заполните его устойчивым к плесени силиконовым герметиком (Mediseal).

В противном случае может произойти протечка воды./

※배수관과 바닥에 틈이 있는 경우, 곰팡이 방지성 실리콘계 실재(메지실)로 충전해 주십시오.

아래층에 누수가 발생할 위험이 있습니다./

\*Nếu có một khe hở giữa đường ống xả và sàn, hãy bít kín khe hở bằng vật liệu bít kín gốc silicon chống nấm mốc (Mediseal).

Nếu không nước có thể rò rỉ xuống dưới sàn./

\*หากมีช่องว่างระหว่างท่อระบายและพื้น

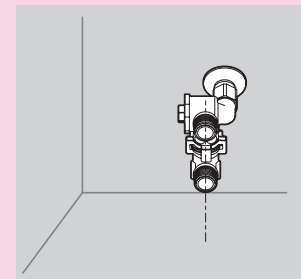
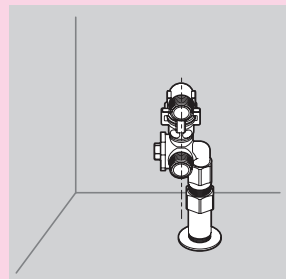
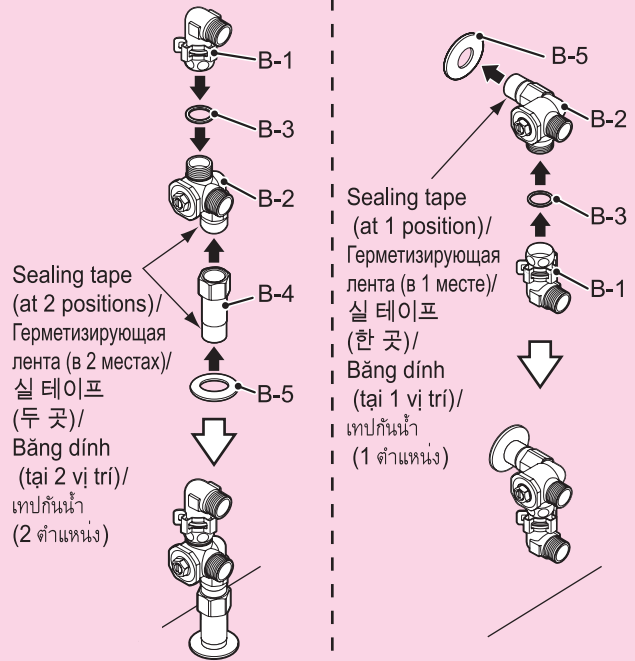
ให้อุดด้วยวัสดุกันรั้วที่ทำมาจากซิลิโคนและป้องกันเชื้อรา (Mediseal)

หากไม่ดำเนินการดังกล่าว น้ำอาจรั่วซึมลงมาชั้นล่างได้

## 2

<For water supply from the floor>  
<Нижний подвод воды (с пола)>  
<바닥 급수의 경우>  
<Trường hợp cấp nước từ sàn>  
< สำหรับการจ่ายน้ำจากพื้น >

<For water supply from the wall>  
<Боковой подвод воды (со стены)>  
<벽 급수의 경우>  
<Trường hợp cấp nước từ tường>  
< สำหรับการจ่ายน้ำจากผนัง >



\*If there is a gap between the straight pipe and the floor, fill it with mold-resistant silicone-based seal material (Mediseal), and then attach a cover seal(B-5). Doing otherwise may cause water to leak downstairs./

\* Если между прямой трубой и полом есть зазор, заполните его устойчивым к плесени силиконовым герметиком (Mediseal), а затем установите защитную крышку.

В противном случае может произойти протечка воды./

※스트레이트관과 바닥에 틈이 있는 경우, 곰팡이 방지성 실리콘계 실재(메지실)로 충전하고 나서 덮개 시트(B-5)를 설치하십시오.

아래층에 누수가 발생할 위험이 있습니다./

\*Nếu có khe hở giữa ống trụ và sàn, hãy bít kín khe hở bằng vật liệu bít kín gốc silicon chống nấm mốc (Mediseal), sau đó gắn vòng bít ngoài(B-5).

Nếu không nước có thể rò rỉ xuống dưới sàn./

\* หากมีช่องว่างระหว่างท่อต่อและพื้น

ให้อุดด้วยวัสดุกันรั้วที่ทำมาจากซิลิโคนและป้องกันเชื้อรา (Mediseal)

หลังจากนั้นให้ประกอบซิลกันรั้ว (B-5)

หากไม่ดำเนินการดังกล่าว น้ำอาจรั่วซึมลงมาชั้นล่างได้

**Caution**

Be sure to install the shutoff valve (with filter) included with the toilet.  
Dirt contamination could cause shutoff or discharge defects./

**Внимание**

Убедитесь, что установлен запорный клапан (с фильтром), которым укомплектован данный унитаз.  
Засор может привести к нарушению подачи воды и слива./

**주의**

변기와 함께 들어있는 필터 부착형 지수전을 반드시 설치하십시오.  
이물질이 걸려 지수, 토수 불량일 위험이 있습니다./

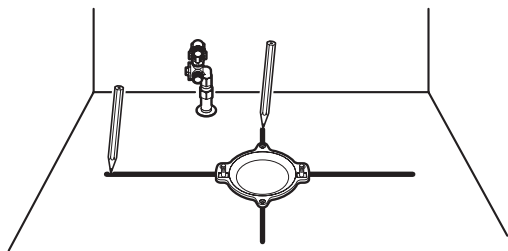
**Cẩn thận**

Hãy chắc chắn lắp đặt van chặn (có bộ lọc) đi kèm phòng vệ sinh.  
Bụi bẩn có thể gây trục trặc về ngắt hoặc xả./

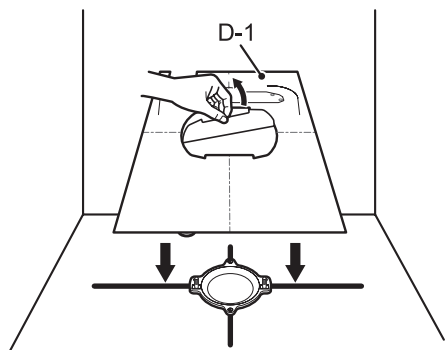
**ข้อควรระวัง**

ตรวจสอบให้แน่ใจว่าได้ติดตั้งวาล์วเปิด-ปิด (พร้อมแผ่นกรอง) ที่ให้มาพร้อมกับโถสุขภัณฑ์  
รอยคราบสกปรกอาจทำให้เกิดปัญหาในการเปิดปิดวาล์วหรือระบายของเหลว

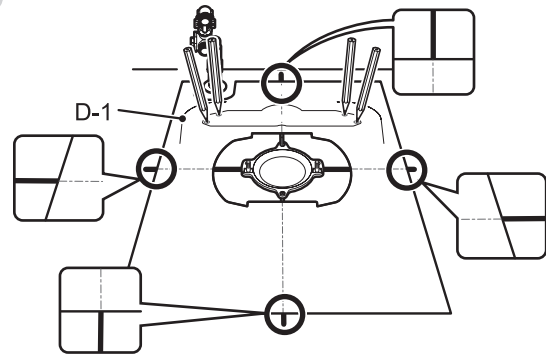
3



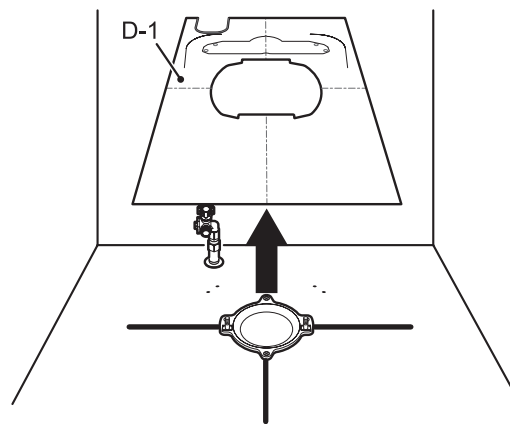
4



5

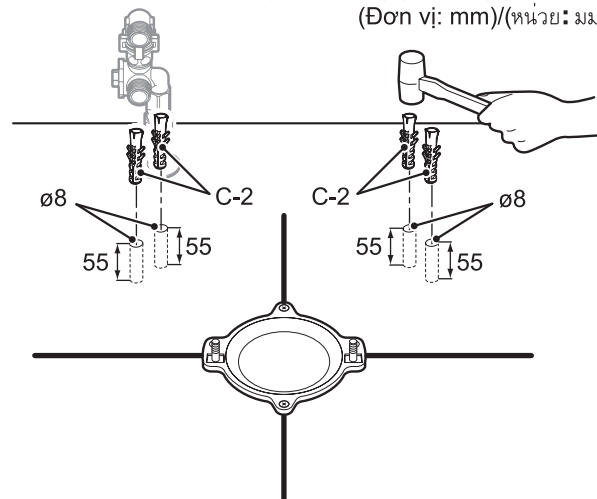


6

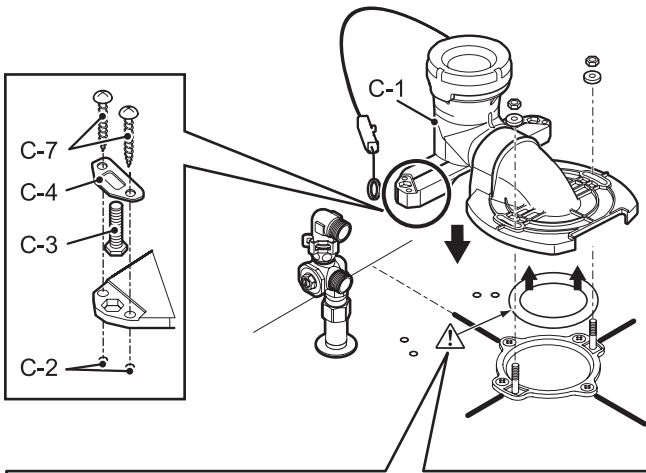


7

(Unit : mm)/(ед.: мм)/(단위:mm)/  
(Đơn vị: mm)/(หน่วย: มม.)







**Caution**

Set so that the sealant does not enter the drainage channel area (in the hatched area). Doing otherwise may cause inadequate flushing. /

**Внимание**

При установке уплотнителя не допускайте его входа в зону сливного патрубка (заштрихованная область). Иначе возможен недостаточный смыв унитаза. /

**주의**

패킹재가 배수로 부분(경사진 부분)에 들어가지 않도록 설정해 주십시오. 세정 불량 의 원인이 됩니다. /

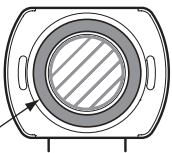
**Cảnh thán**

Đặt sao cho Vòng đệm kín không chạm vào khu vực kênh thoát nước (tại vùng gạch bóng). Nếu không, có thể khiến bồn cầu không xả đủ nước. /

**ข้อควรระวัง**

ปรับตำแหน่งไม่ให้สารกันรั่วเข้าไปในบริเวณช่องระบาย (พื้นที่แรเงา) มิฉะนั้นอาจทำให้การระบายน้ำลงสุขภัณฑ์ไม่เพียงพอ

Sealant/  
Уплотнитель/  
패킹재/  
Vòng đệm kín/  
สารกันรั่ว



(Rear surface of floor flange connection area) \*The figure is for a metal flange / (Задняя присоединительная поверхность напольного фланца.)

\*На рисунке показан металлический фланец / (바닥 후렌지 연결 부분면) ※그림은 금속 플랜지의 경우 / (Mặt sau của vùng nối mặt bích sàn)

\*Hình minh họa dành cho trường hợp mặt bích kim loại / (พื้นที่ผิวส่วนหลังของพื้นที่เชื่อมต่อหน้าแปลนยึดพื้น) \*ภาพประกอบเป็นภาพหน้าแปลนโลหะ

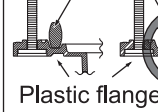
**EN**

**Caution**

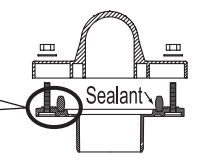
**Caution in handling of the Sealant**

**(For plastic flange)**

Sealant for plastic flange

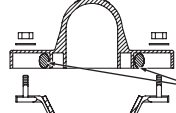


Plastic flange

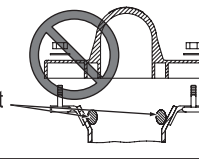


Required

**(For metal flange)**



Sealant



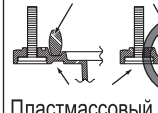
**RU**

**Внимание**

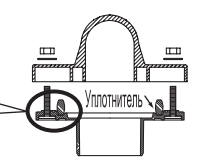
**Внимание при обращении с уплотнителем**

**(Для пластмассового фланца)**

Уплотнитель для пластмассового фланца

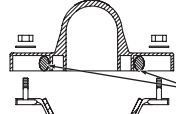


Пластмассовый фланец

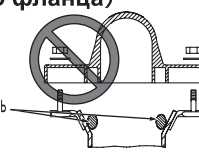


Требуется

**(Для металлического фланца)**



Уплотнитель



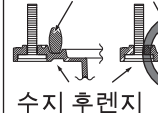
**KO**

**주의**

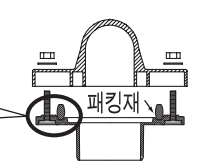
**패킹재 설치시 주의 사항**

**(수지 후렌지용)**

수지 후렌지용 패킹재

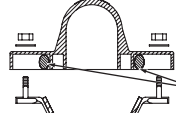


수지 후렌지

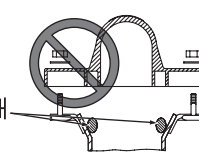


반드시 실행

**(금속 후렌지용)**



패킹재



**VI** **⚠️ Cẩn thận**

**Chú ý khi xử lý Vòng đệm kín**

**(Dùng cho mặt bích nhựa)**

Vòng đệm kín dành cho mặt bích nhựa

Mặt bích nhựa

Vòng đệm kín

**(Dùng cho mặt bích kim loại)**

Vòng đệm kín

**!**  
**Bắt buộc**

**TH** **⚠️ ข้อควรระวัง**

**ข้อควรระวังในการจัดการสารกันรั่ว**

**(สำหรับหน้าแปลนพลาสติก)**

สารกันรั่วสำหรับหน้าแปลนพลาสติก

หน้าแปลนพลาสติก

สารกันรั่ว

**(สำหรับหน้าแปลนโลหะ)**

สารกันรั่ว

**!**  
**สิ่งที่ต้องทำ**

**Caution**

- Insert the head of the hexagonal bolt completely in the hexagonal hole of the water drain socket. If it is not inserted completely, the toilet bowl may be unstable.
- When installing, be careful that the wire does not get pinched between the floor and discharge socket.

**Внимание**

- Надежно закрепить 6-гранными болтами крепление слива унитаза, чтобы обеспечить прочное крепление унитаза.
- При установке обратите внимание, чтобы провод не оказался зажатым между полом и сливной муфтой.

**주의**

- 배수소켓의 구멍에 육각볼트를 바르게 설치한다. 바르게 설치하지 않으면 양변기의 흔들림이 발생할 가능성이 있습니다.
- 설치 시, 바닥과 배수 소켓에 와이어가 끼이지 않도록 주의하십시오.

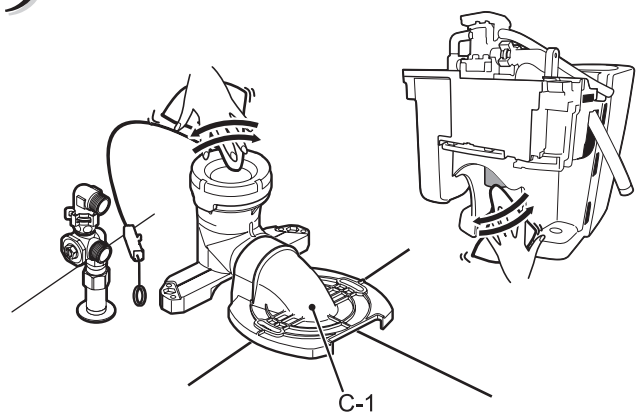
**Cẩn thận**

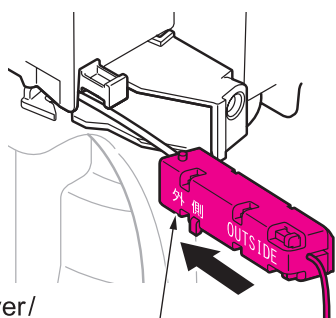
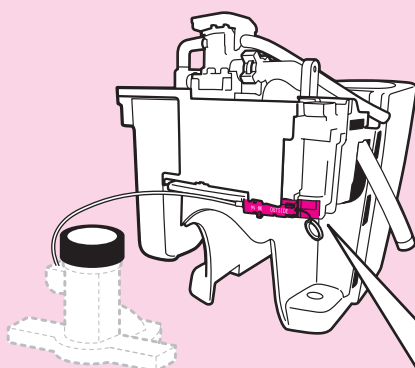
- Cố định chặt đầu bu-long lục giác vào trong lỗ lục giác của đầu nối ống thoát nước. Nếu như không cố định chặt, bồn cầu sẽ không vững.
- Khi lắp, cẩn thận để không làm dây bị kẹp giữa sàn và chân ống xả.

**ข้อควรระวัง**

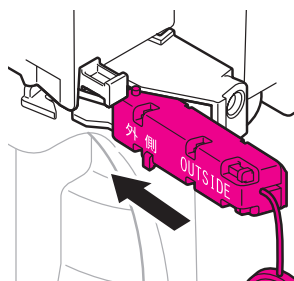
- ใส่หัวของสลักเกลียวรูปหกเหลี่ยมในรูรูปหกเหลี่ยมของเบ้าข้อต่อท่อระบายน้ำให้แน่น หากไม่ใส่ให้แน่น โถสุขภัณฑ์อาจโยกคลอนได้
- ขณะทำการติดตั้ง โปรดระวังอย่าให้สายไฟถูกหนีบติดอยู่ระหว่างพื้นและช่องระบายน้ำ

9

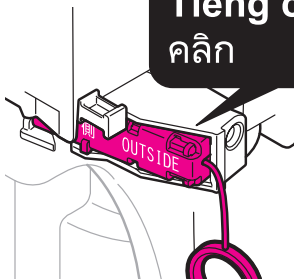
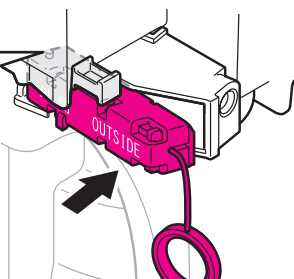




Manual lever/  
 Ручной рычаг/  
 수동 레버/Cần gạt tay/  
 ที่ดึงชักโครกมือ



Fit tab into slot/  
 Вставьте до упора/  
 돌기 부분을 맞춘다/  
 Căn chỉnh núm/  
 ประกอบส่วนแกนให้เข้ากัน



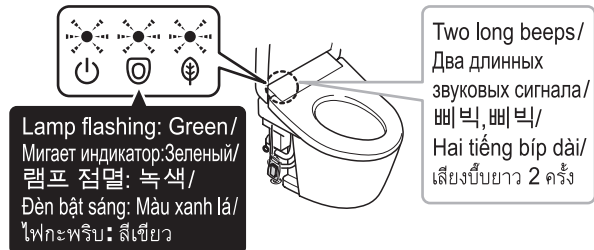
Click/  
 Стопорная защелка/  
 찰칵/  
 Tiếng cách/  
 คลิ๊ก

\*After mounting, check that the manual lever does not detach./  
 \*После установки ручного рычага убедитесь, что он не вынимается./  
 ※설치 후 수동 레버가 빠지지 않는지 확인하십시오./  
 \*Sau khi lắp, kiểm tra để đảm bảo cần gạt không bị rời ra./  
 \*เมื่อติดตั้งเสร็จ ตรวจสอบให้แน่ใจว่าที่ดึงชักโครกมือจะไม่หลุดออกมา

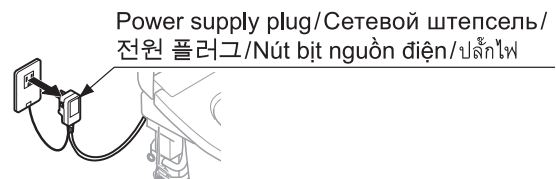
**If the unit emits an electronic noise and all lamps are flashing/  
Если изделие издаёт электронные сигналы и мигают все индикаторы/  
전자음이 울리며 모든 램프가 점멸하는 경우/  
Nếu bộ bồn cầu phát âm báo điện tử và mọi đèn sáng lên/  
กรณีระบบอิเล็กทรอนิกส์ส่งสัญญาณเสียงรบกวนและสัญญาณไฟกระพริบทุกดวง**

**Electronic noise emitted/  
Издаются электронные сигналы/  
전자음 울림/ Có âm báo điện tử/  
ระบบอิเล็กทรอนิกส์ปล่อยสัญญาณเสียงรบกวน**

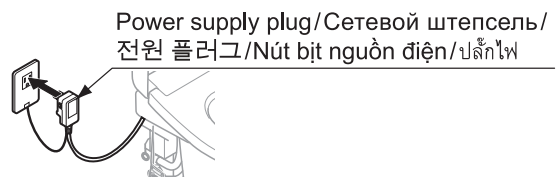
**All lamps flashing/ Мигают все индикаторы/  
모든 램프 점멸/ Mọi đèn đều sáng/  
สัญญาณไฟทุกดวงมีการกระพริบ**



**① Remove the power supply plug/  
Вытащите сетевой штепсель/  
전원 플러그를 뽑는다/ Tháo nút bịt nguồn cấp điện/  
ทำการถอดปลั๊กไฟออก**

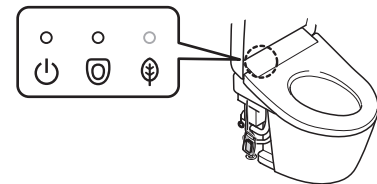


**② Install the manual lever according to 10 /  
Установите ручной рычаг как описано в разделе 10 /  
10 에 따라 수동 레버를 설치한다./  
Lắp cần gạt tay theo 10 /  
ติดตั้งที่ติดตั้งชักโครกมือตาม 10**



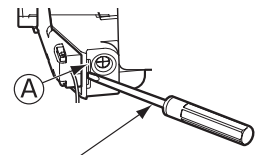
**③ Insert the power supply plug/  
Вставьте сетевой штепсель/ 전원 플러그를 꽂는다/  
Đậy nút bịt nguồn cấp điện/ เสียบปลั๊กไฟ**

**Confirm that the electronic noise has stopped and that no lamps are flashing/  
Убедитесь в том, что электронные сигналы исчезли, а индикаторы не мигают/  
전자음이 멈추고, 모든 램프가 점멸하지 않는 것을 확인한다/  
Đảm bảo âm báo điện tử đã ngừng phát và không đèn nào sáng/  
ตรวจสอบว่าสัญญาณเสียงอิเล็กทรอนิกส์หยุดลงและไฟทุกดวงหยุดกะพริบ**



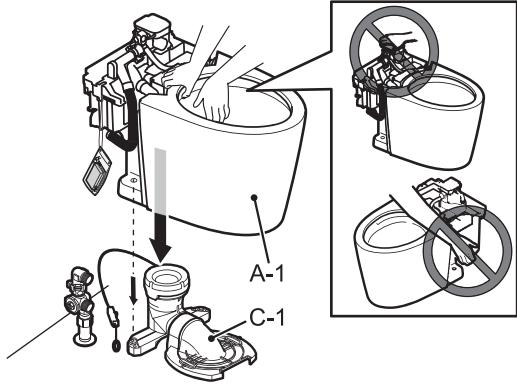
**< Remove the manual lever >> Снимите ручной рычаг >  
< 수동 레버 분리 >> Tháo cần gạt tay >  
< ถอดที่ติดตั้งชักโครกมือ >**

**Flat-head screwdriver/  
Плоская отвертка/  
マイナス 드라이バー/  
Tuốc-nơ-vít dẹt/  
ไขควงปากแบน**

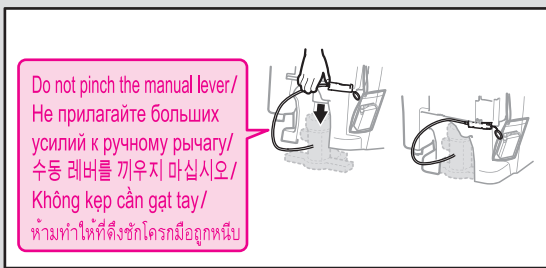


**Insert a flat-head screwdriver or other tools into (A) shown in the figure to unlock and then remove the manual lever./  
Снимите ручной рычаг, предварительно сняв его со стопора с помощью плоской отвертки или другого инструмента, вставленного, как показано на рисунке значком (A)./  
マイナス 드라이버 등을 그림 (A)의 위치에 삽입하여 잠금을 해제하고 분리하십시오./  
Đặt tuốc-nơ-vít dẹt hoặc các dụng cụ khác vào điểm (A) như trong hình để mở khóa và tháo cần gạt./  
สอดไขควงปากแบนหรือเครื่องมืออื่นในภาพประกอบ (A) เพื่อเปิดที่ติดตั้งชักโครกมือแล้วถอดออก**

12



**How to handle the manual lever/  
Как пользоваться ручным рычагом/  
수동 레버 취급 방법/  
Cách xử lý cần gạt tay/วิธีใช้ที่ดึงชักโครกมือ**

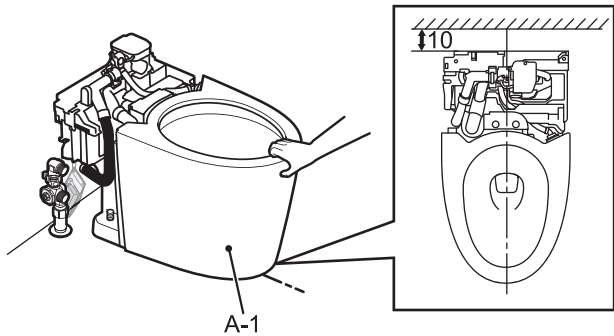


**Do not pinch the manual lever/  
Не прилагайте больших  
усилий к ручному рычагу/  
수동 레버를 끼우지 마십시오/  
Không kẹp cần gạt tay/  
ห้ามทำใหัที่ดึงชักโครกมือถูกหนีบ**

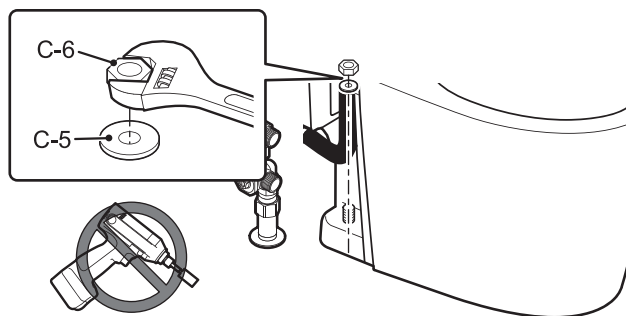
\*Do not pull the manual lever, or cause it to be pinched by the toilet bowl./  
\*Не тяните за ручной рычаг и не допускайте, чтобы он задевал за унитаз./  
※수동 레버를 당기거나, 변기에 끼우지 마십시오./  
\*Không kéo cần gạt tay hay để cần gạt bị kẹp bởi bồn cầu./  
\*ห้ามดึงที่ดึงชักโครกมือหรือทำให้ที่ดึงชักโครกมือถูกหนีบกับโถสุขภัณฑ์

13

(Unit : mm)/(ед.: мм)/(단위:mm)/  
(Đơn vị: mm)/(หน่วย: มม.)



14



20

EN

Mount the top unit according to the installation manual.

- It is not malfunction even if water flows in the toilet bowl after the water shutoff valve is opened.  
If electrical power is available, insert the power plug in the outlet to stop the water flow.  
If electrical power is not available, close the shutoff valve to stop water. When electrical power is available, turn the unit on and then open the shutoff valve. Refer to the enclosed installation manual of top unit.
- Confirm the operation of the manual lever.  
After performing a test run of the main washlet unit, confirm operation.

RU

Установку крышки-сиденья Washlet производить согласно его прилагаемой инструкции.

- В унитаз после открытия запорного клапана может начать течь вода. Это нормально.  
Вода перестанет течь после того, как по завершении электромонтажных работ сетевой штепсель будет вставлен в розетку.  
Если электромонтажные работы еще не завершены, то для останова воды нужно закрыть запорный клапан.  
По завершении электромонтажных работ вставьте сетевой штепсель и откройте запорный клапан.  
Установку следует выполнять согласно Руководству по установке, которое поставляется в комплекте с основным блоком крышки-биде.
- Убедитесь в правильной работе ручного рычага.  
Убедитесь в правильной работе основного блока крышки-биде после его пробного включения.

KO

워쉬렛 본체의 설치는 워쉬렛 본체 시공설명서에 따라 설치하여 주십시오.

- 지수전을 연 후, 변기에 물이 흐르는 경우가 있지만, 고장이 아닙니다.  
전기 공사가 끝난 경우, 전원 플러그를 콘센트에 꽂으면 물이 멈춥니다.  
전기 공사가 끝나지 않은 경우에는 지수전을 닫으면 물이 멈춥니다.  
전기 공사가 끝난 후에 전원을 넣고 지수전을 열어 주십시오.  
워쉬렛 본체에 동봉된 시공 설명서에 따라 설치하십시오.
- 수동 레버 동작을 확인한다.  
워쉬렛 본체의 시험운전을 시행한 후 동작을 확인해 주십시오.

VI

Gắn phần trên theo hướng dẫn lắp đặt.

- Không phải là sự cố kể cả khi nước vẫn chảy vào bồn cầu sau khi van khóa nước đã mở.  
Nếu có nguồn điện, cắm phích cắm điện vào ổ cắm để nước ngừng chảy.  
Nếu không có nguồn điện, đóng van khóa nước để nước ngừng chảy.  
Khi đã có nguồn điện, bật thiết bị và sau đó mở van khóa. Tham khảo hướng dẫn lắp đặt đi kèm với phần trên.
- Xác nhận hoạt động của cần gạt tay.  
Sau khi thực hiện chạy thử bộ Washlet chính, xác nhận hoạt động.

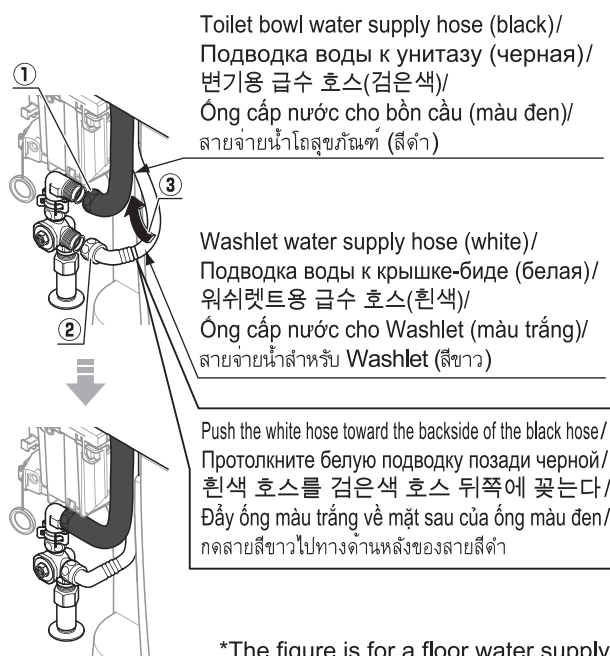


# TH

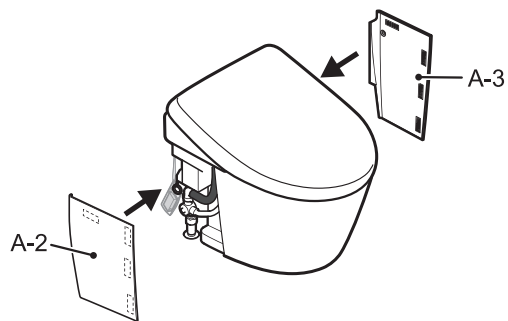
ติดตั้งส่วนบนของผลิตภัณฑ์ตามคู่มือการติดตั้ง

- ส่วนนี้ไม่ได้ทำงานผิดปกติแม้ว่าจะมีน้ำไหลในโถสุขภัณฑ์หลังเปิดวาล์วเปิด-ปิดน้ำแล้ว กรณีที่ไฟฟ้ายังใช้งานได้ ให้เสียบปลั๊กไฟในเต้ารับเพื่อหยุดการไหลของน้ำ กรณีไฟฟ้าไม่สามารถใช้ได้ ให้ปิดวาล์วเปิด-ปิดน้ำเพื่อหยุดน้ำ เมื่อไฟฟ้าใช้งานได้แล้ว ให้เปิดปุมเริ่มการทำงานของส่วนบนผลิตภัณฑ์ก่อน จากนั้นค่อยเปิดวาล์วเปิด-ปิดน้ำ
- กรุณาดูคู่มือการติดตั้งส่วนบนของผลิตภัณฑ์ที่แนบมาให้
- ตรวจสอบการทำงานของตัวตั้งชักโครกมือโถสุขภัณฑ์ หลังจากทดสอบการทำงานของโถสุขภัณฑ์ Washlet หลักแล้ว ยืนยันการทำงานให้แน่ใจอีกที

## Connection of the water supply hose/ Способ подключения подводки воды/ 급수 호스 연결 방법/ Nối ống cấp nước/ การเชื่อมต่อสายจ่ายน้ำ



\*The figure is for a floor water supply/  
\*Показан вывод водопроводной трубы из пола/  
※그림은 바닥 급수인 경우/  
\*Hình minh họa dành cho trường hợp cấp nước từ sàn/  
\*ภาพประกอบเป็นภาพสำหรับการจ่ายน้ำจากพื้น

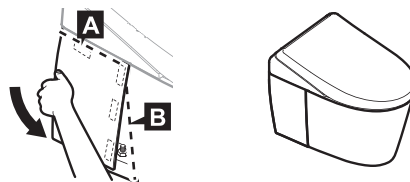


Install the side panel aligned with A and B in the figure (the dotted lines), so that there are no noticeable gaps./

Установите боковую панель, как показано на рисунке, совместив ее края с пунктирными линиями А и В так, чтобы между ними не было видимых зазоров./  
커버를 그림A와 그림B(점선)에 맞춰 틈이 생기지 않도록 조립합니다./

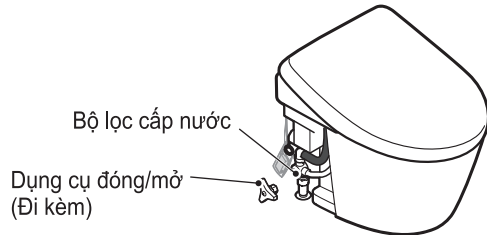
Lắp panel bên thẳng với A và B trong hình (đường chấm chấm), sao cho không có khoảng cách đáng kể./

ติดตั้งแผงด้านข้างให้ตรงกับตำแหน่ง A และ B ดังในรูป (เส้นประ) เพื่อไม่ให้เห็นช่องว่างที่มีอยู่



## VI

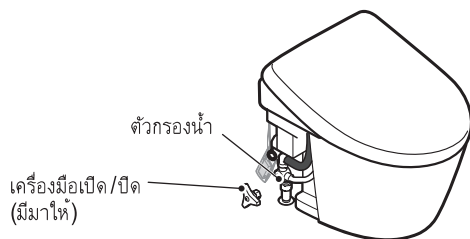
- Sau khi vận hành thử bồn cầu (xả), kiểm tra bên trong bồn cầu có vật lạ như mảnh vụn của ống cống, v.v... hay không. Những vật lạ như mảnh vụn rỉ trôi vào có thể dính vào mặt bên.
- Đảm bảo đóng van cấp nước và vệ sinh bộ lọc cấp nước sau khi vận hành thử.
- \* Sử dụng dụng cụ đóng/mở đi kèm với bồn cầu hoặc cờ-lê bánh cóc tháo bộ lọc cấp nước để làm sạch bộ lọc.
- \* Sau khi làm sạch bộ lọc, mở van cấp nước.



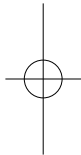
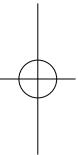
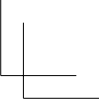
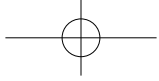
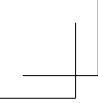
- Đảm bảo rằng không có trầy xước hoặc hư hại nào khác trên bề mặt gốm. Nếu bề mặt gốm bị ấn chặt hoặc chà xát với kim loại (khóa đồng hồ đeo tay, khóa dây nịt, v.v...) có thể để lại những vết đen hoặc ánh bạc trên bề mặt.
- Sau khi lắp đặt, vết bẩn khó thấy (dầu hoặc keo dán ống) có thể còn dính trong bồn cầu. Đảm bảo lau sạch vết bẩn bằng chất tẩy rửa trung tính để không làm mòn bồn cầu. Nếu không, bề mặt bồn cầu sẽ không được xả sạch hoàn toàn.
- Xác nhận không có khoảng cách đáng kể giữa phần sứ cách điện và panel bên, và không bên nào bị nâng lên. Nếu các bộ phận này được lắp không chắc chắn, thì tấm vách bên có thể bị tách ra.

## TH

- Kiểm tra tình trạng (chả rế) của gioăng cửa bồn cầu. Cho phép kiểm tra bồn cầu để đảm bảo rằng gioăng cửa bồn cầu đã được lắp đặt đúng cách. Kiểm tra gioăng cửa bồn cầu để đảm bảo rằng gioăng cửa bồn cầu đã được lắp đặt đúng cách.
- Kiểm tra gioăng cửa bồn cầu để đảm bảo rằng gioăng cửa bồn cầu đã được lắp đặt đúng cách.
- \* Đóng cửa bồn cầu bằng tay để kiểm tra / đóng cửa bồn cầu để kiểm tra gioăng cửa bồn cầu.
- \* Sau khi kiểm tra gioăng cửa bồn cầu, hãy mở cửa bồn cầu để xả nước.



- Kiểm tra gioăng cửa bồn cầu để đảm bảo rằng gioăng cửa bồn cầu đã được lắp đặt đúng cách. Kiểm tra gioăng cửa bồn cầu để đảm bảo rằng gioăng cửa bồn cầu đã được lắp đặt đúng cách.
- Kiểm tra gioăng cửa bồn cầu để đảm bảo rằng gioăng cửa bồn cầu đã được lắp đặt đúng cách.
- \* Kiểm tra gioăng cửa bồn cầu để đảm bảo rằng gioăng cửa bồn cầu đã được lắp đặt đúng cách.
- \* Sau khi kiểm tra gioăng cửa bồn cầu, hãy mở cửa bồn cầu để xả nước.



H0B286  
2017.11

